A. HƯỚNG DẪN HỖ TRỢ XỬ LÝ NGHIỆP VỤ TỜ KHAI VNACCS

I.1. Tờ khai nhập/xuất

Chức năng này cho phép công chức xem thông tin tờ khai nhập/xuất VNACCS

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Tờ khai nhập/xuất

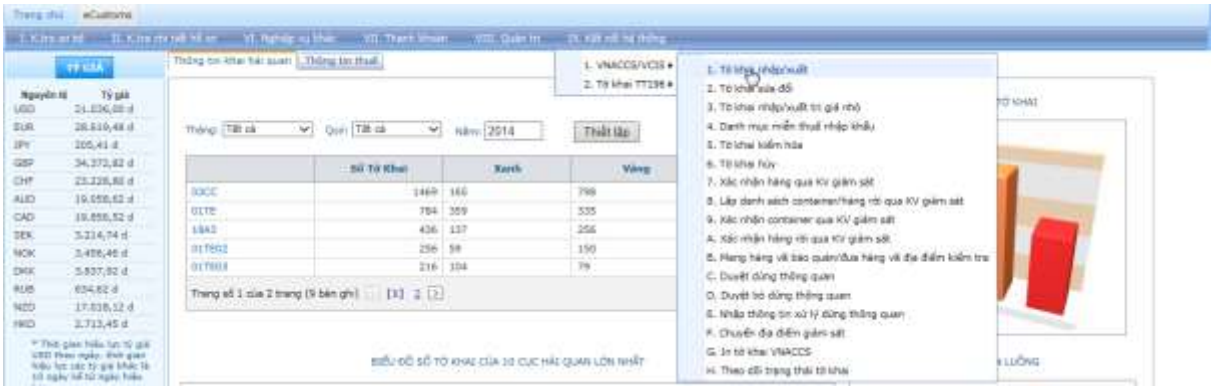

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách tờ khai

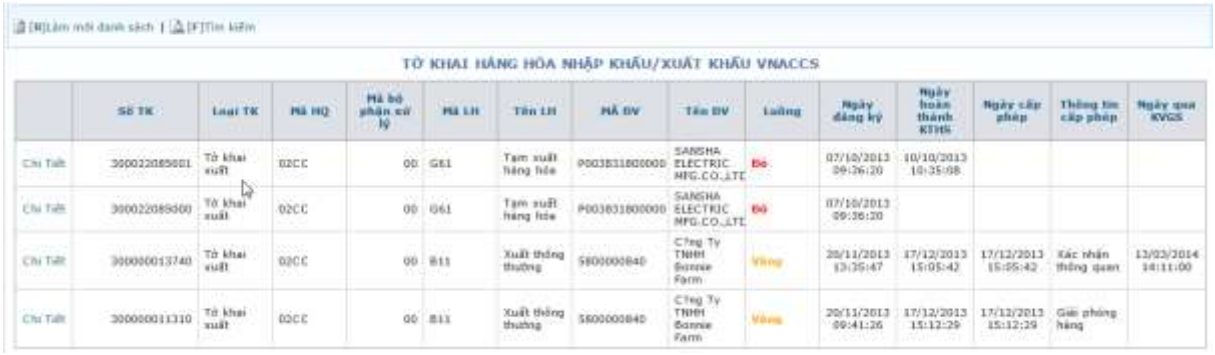

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU/XUẤT KHẨU VNACCS

	Số TK	Loại TK	Mã HQ	Mã bộ phận xử lý	Mã LH	Tên LH	Mã DV	Tên DV	Luồng	Ngày đăng ký	Ngày hoàn thành KTHS	Ngày cấp phép	Thông tin cấp phép	Ngày qua KVGS
Chi Tiết	300022085001	Tờ khai xuất	02CC	00	G61	Tạm xuất hàng hóa	P003831800000	SANSHA ELECTRIC MFG.CO.,LTD	Đỏ	07/10/2013 09:26:20	10/10/2013 10:35:08			
Chi Tiết	300022085000	Tờ khai xuất	02CC	00	G61	Tạm xuất hàng hóa	P003831800000	SANSHA ELECTRIC MFG.CO.,LTD	Đỏ	07/10/2013 09:26:20				
Chi Tiết	300000013740	Tờ khai xuất	02CC	00	B11	Xuất thông thường	5800000840	C?ng Ty TNHH Bonnie Farm	Vàng	20/11/2013 13:35:47	17/12/2013 15:05:42	17/12/2013 15:05:42	Xác nhận thông quan	13/03/2014 14:11:00
Chi Tiết	300000011310	Tờ khai xuất	02CC	00	B11	Xuất thông thường	5800000840	C?ng Ty TNHH Bonnie Farm	Vàng	20/11/2013 09:41:26	17/12/2013 15:12:29	17/12/2013 15:12:29	Giải phóng hàng	

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị

dưới:

Bước 2: Để xem chi tiết thông tin, công chức chọn **Chi tiết** màn hình chi tiết được hiển thị:

Tờ khai nhập

Site Actions | Browse | Page | TamNA2

1. Tờ khai nhập/xuất

[R]Quay lại

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan

Số tờ khai: 100023041209 **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 1 **Mã loại hình:** A11 A 2 [1] **Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai:** 1000
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 01
Ngày đăng ký: 11/10/2013 10:11:14 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người nhập khẩu
Mã: P003831800-000
Tên: SANSHA ELECTRIC MFG.CO.,LTD.
Mã bưu chính: (+84)43
Địa chỉ: Dia chi
Số điện thoại: 0437545666
Người ủy thác nhập khẩu
Mã:
Tên:

Người xuất khẩu
Mã:
Tên: CONG TY TNHH FOJI MOLD VIET NAM
Mã bưu chính: 0313
Địa chỉ: 971-973 PLOENCHIT ROAD LUMPINI BANGKOK THAILAND
Mã nước: TH
Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý hải quan: E8301 CONG TY MAY 10 **Mã nhân viên hải quan:**

Số vận đơn

STT	Số vận đơn
1	1

Số lượng: 2 PA
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 3 KGM
Số lượng container: 2

Địa điểm lưu kho: 01ABW01 CTY QUOC TE DUC YEN
Địa điểm dỡ hàng: VNPHN BUU DIEN HA NOI
Địa điểm xếp hàng: BRSNZ SANTA CRUZ
Phương tiện vận chuyển: AAA AAA
Ngày hàng đến: 13/09/2013
Ký hiệu và số hiệu: A1509
Ngày được phép nhập kho đầu tiên:
Mã văn bản pháp quy khác:

Số hóa đơn: A - 56585
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành:
Phương thức thanh toán: TTR
Tổng trị giá hóa đơn: A - CIF - USD - 35.000
Tổng trị giá tính thuế: 63.108.011
Tổng hệ số phân bổ trị giá:
Mã kết quả kiểm tra nội dung: A

Giấy phép nhập khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép

Mã phân loại khai trị giá:
Khai trị giá tổng hợp:
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển:
Phí bảo hiểm:

STT	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ

Chi tiết khai trị giá:

STT	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng
1	N Thu? NK	631.080 VND	1
2	V Thu? GTGT	0 VND	0

Tổng tiền thuế phải nộp: 631.080 VND
Số tiền bảo lãnh:
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Mã xác định thời hạn nộp thuế: D **Người nộp thuế:** 1
Mã lý do đề nghị BP: **Phân loại nộp thuế:** A

Tổng số trang của tờ khai: 3 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 1

Số đính kèm khai báo điện tử

STT	Phân loại	Số đính kèm

Phần ghi chú: HANG HOA NHAP KHAU KINH DOANH - DAU TU
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: 00000902013 **Số quản lý người sử dụng:** 00037

Tờ khai xuất

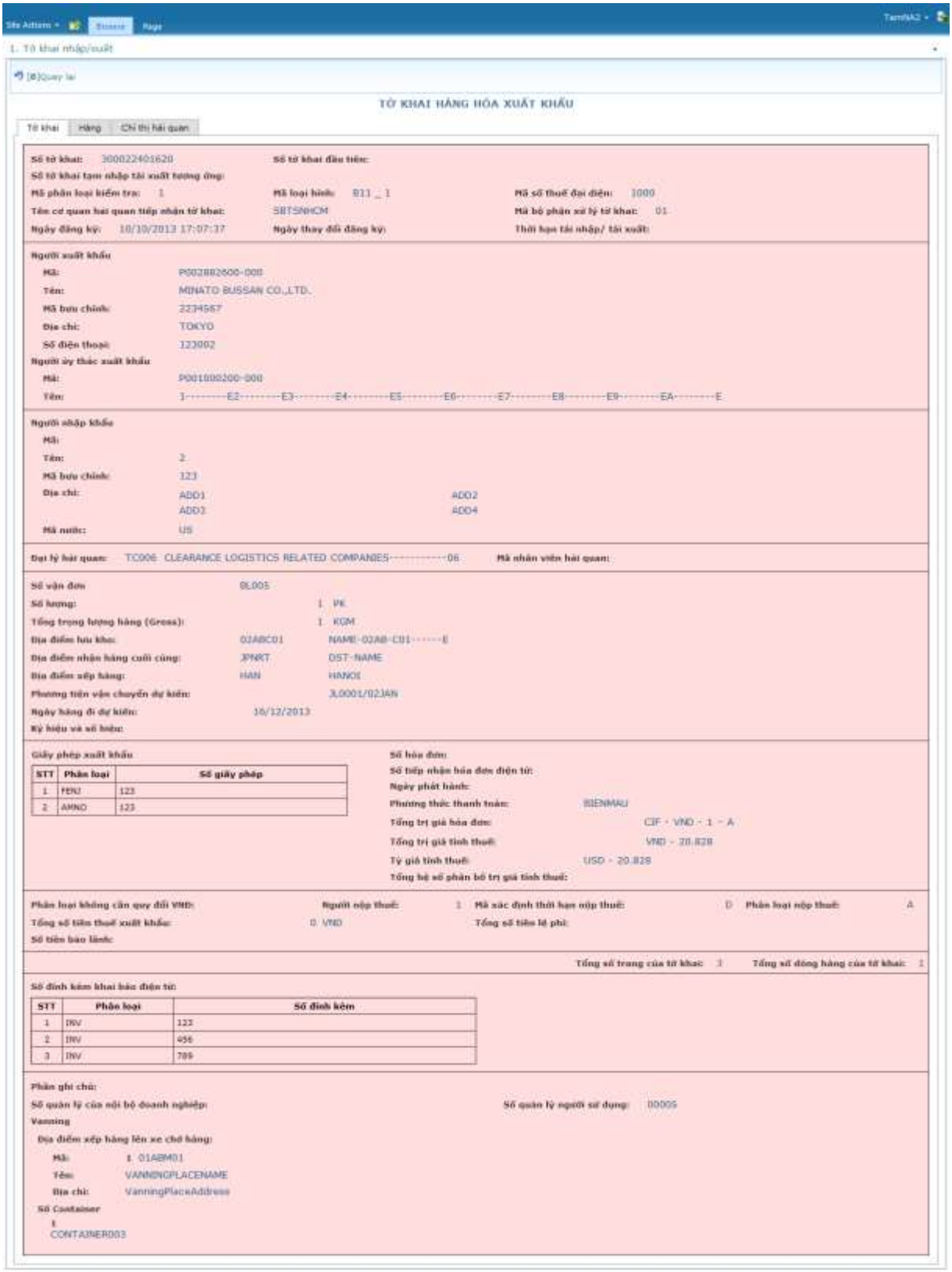

1. Tờ khai nhập/xuất

[8]Quay lại

TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan

Số tờ khai: 300022401620 Số tờ khai đầu tiên:
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 1 Mã loại hình: B11 _ 1 Mã số thuế đại diện: 1000
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM Mã bộ phận xử lý tờ khai: 01
Ngày đăng ký: 10/10/2013 17:07:37 Ngày thay đổi đăng ký: Thời hạn tái nhập/ tái xuất:

Người xuất khẩu
Mã: P002882606-000
Tên: MINATO BUSSAN CO.,LTD.
Mã bưu chính: 2234567
Địa chỉ: TOKYO
Số điện thoại: 123002
Người ủy thác xuất khẩu
Mã: P001000200-000
Tên: 1--------E2--------E3--------E4--------E5--------E6--------E7--------E8--------E9--------EA--------E

Người nhập khẩu
Mã:
Tên: 2
Mã bưu chính: 123
Địa chỉ: ADD1 ADD2
ADD3 ADD4
Mã nước: US

Đại lý hải quan: TC006 CLEARANCE LOGISTICS RELATED COMPANIES----------06 Mã nhân viên hải quan:

Số vận đơn 0L005
Số lượng: 1 PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 1 KGM
Địa điểm lưu kho: 01ABC01 NAME-01AB-C01------E
Địa điểm nhận hàng cuối cùng: JPNRT DST-NAME
Địa điểm xếp hàng: HAN HANOI
Phương tiện vận chuyển dự kiến: JL0001/01JAN
Ngày hàng đi dự kiến: 10/12/2013
Ký hiệu và số hiệu:

Giấy phép xuất khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép
1	FEN2	123
2	AMND	123

Số hóa đơn:
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành:
Phương thức thanh toán: BIENMAU
Tổng trị giá hóa đơn: CIF - VND - 1 - A
Tổng trị giá tính thuế: VND - 20.828
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Tổng hệ số phân bổ trị giá tính thuế:

Phân loại không cần quy đổi VND: Người nộp thuế: 1 Mã xác định thời hạn nộp thuế: D Phân loại nộp thuế: A
Tổng số tiền thuế xuất khẩu: 0 VND Tổng số tiền lệ phí:
Số tiền bảo lãnh:

Tổng số trang của tờ khai: 3 Tổng số dòng hàng của tờ khai: 1

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm
1	INV	123
2	INV	456
3	INV	789

Phần ghi chú:
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: Số quản lý người sử dụng: 00005
Vanning
Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng:
Mã: 1 01ABM01
Tên: VANNINGPLACENAME
Địa chỉ: VanningPlaceAddress
Số Container
1
CONTAINER003

I.2. Tờ khai sửa đổi

Chức năng này cho phép công chức xem thông tin tờ khai sửa đổi VNACCS

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Tờ khai sửa đổi

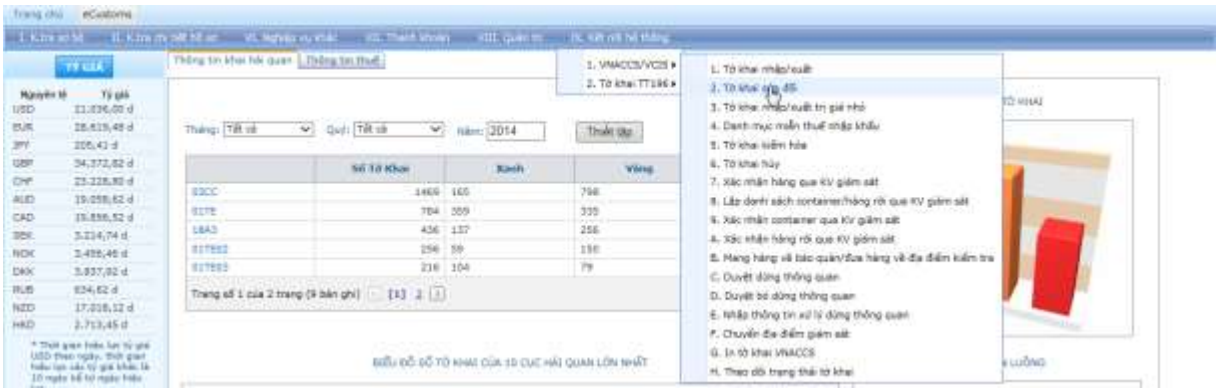

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách

DANH SÁCH TỜ KHAI SỬA ĐỔI BỔ SUNG

	Số TK	Mã HQ	Nhóm xử lý hồ sơ	Mã LH	Cơ quan nhận	Ngày đăng ký	Giờ đăng ký
Chi Tiết	730000022620	02AB	01	E11	SBTSNHCM	12/12/2013	09:12:07
Chi Tiết	730000021810	02AB	01	A11	SBTSNHCM	11/12/2013	14:50:47
Chi Tiết	730000021700	02AB	01	A11	SBTSNHCM	11/12/2013	14:49:57
Chi Tiết	730000021110	02AB	01	A11	SBTSNHCM	11/12/2013	09:28:13
Chi Tiết	730000021000	02AB	01	A11	SBTSNHCM	11/12/2013	09:27:20
Chi Tiết	730000020960	02AB	01	A11	SBTSNHCM	10/12/2013	16:08:02
Chi Tiết	730000020850	02AB	01	A11	SBTSNHCM	10/12/2013	14:19:29
Chi Tiết	730000019230	02AB	01	A11	SBTSNHCM	09/12/2013	11:02:05
Chi Tiết	730000019120	02AB	01	A11	SBTSNHCM	09/12/2013	10:58:49
Chi Tiết	730000018900	02AB	01	A11	SBTSNHCM	09/12/2013	10:50:34
Chi Tiết	730000018750	02AB	01	A11	SBTSNHCM	09/12/2013	10:51:48
Chi Tiết	730000018530	02AB	01	A11	SBTSNHCM	09/12/2013	10:46:36
Chi Tiết	730000009210	02AB	01	A11	SBTSNHCM	04/12/2013	11:08:05
Chi Tiết	730000009060	02AB	01	B11	SBTSNHCM	09/10/2013	16:07:56
Chi Tiết	730000008950	02AB	01	B11	SBTSNHCM	09/10/2013	16:00:35
Chi Tiết	730000008840	02AB	01	A11	SBTSNHCM	04/12/2013	09:03:59
Chi Tiết	730000007110	02AB	01	A11	SBTSNHCM	01/12/2013	10:12:20
Chi Tiết	730000005560	02AB	01	A11	SBTSNHCM	28/11/2013	15:59:47
Chi Tiết	730000005450	02AB	01	A11	SBTSNHCM	27/11/2013	15:55:29
Chi Tiết	730000005230	02AB	01	B11	SBTSNHCM	27/11/2013	10:48:12

Trang số 1 của 2 trang (20 bản ghi) [1] 2

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị

<u>Bước 2</u>: Để xem chi tiết thông tin, công chức chọn **Chi tiết** màn hình chi tiết được hiển thị:

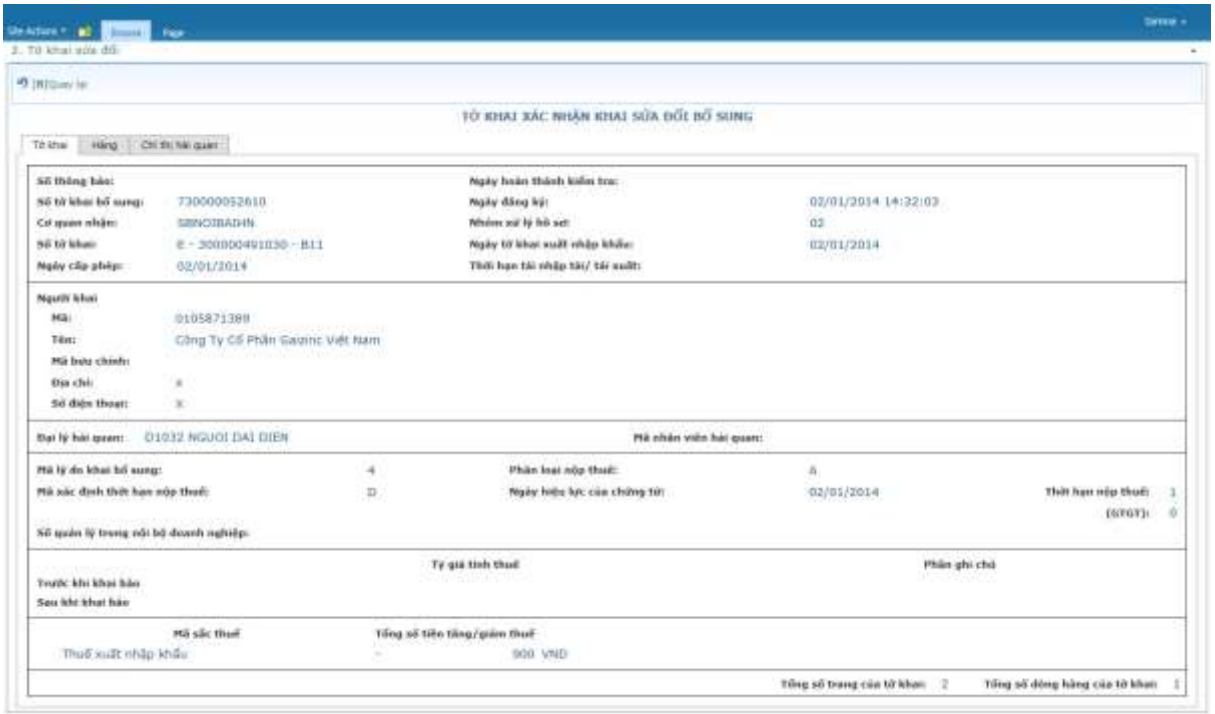

I.3. Tờ khai nhập/xuất trị giá nhỏ

Chức năng này cho phép công chức xem thông tin tờ khai nhập/xuất trị giá nhỏ VNACCS

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Tờ khai nhập/xuất trị giá nhỏ

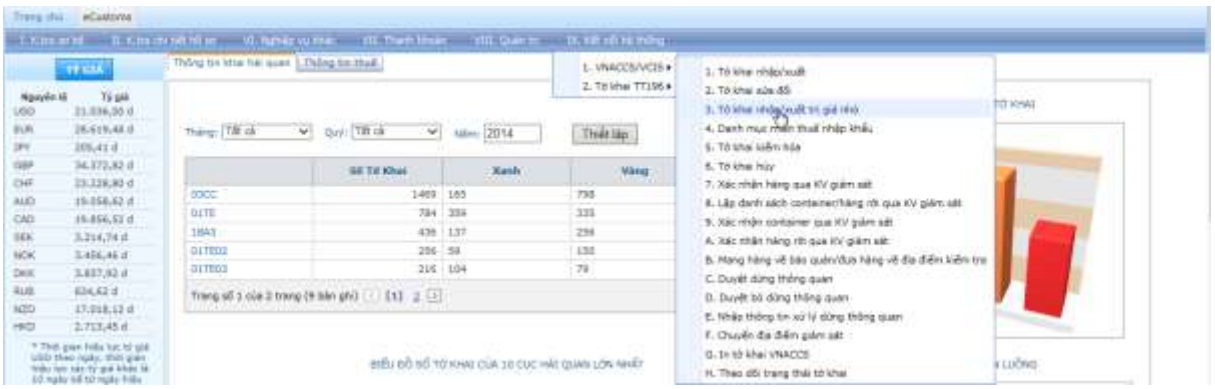

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách

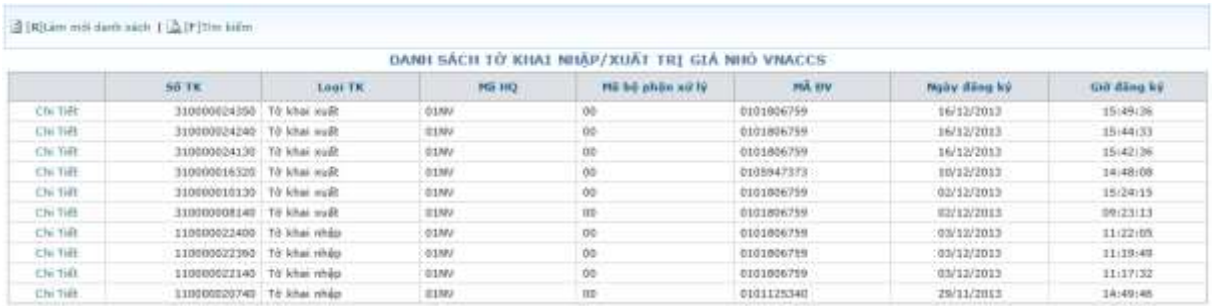

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị

<u>Bước 2</u>: Để xem chi tiết thông tin, công chức chọn **Chi tiết** màn hình chi tiết được hiển thị:

Tờ khai nhập

BẢN XÁC NHẬN NỘI DUNG TỜ KHAI NHẬP KHẨU (HÀNG TRỊ GIÁ THẤP MIỄN THUẾ)

Số tờ khai:	110000050360	Phân loại cá nhân/tổ chức:	1	Phân loại kiểm tra:	*1
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai:	SBNOIBAIHN			Mã bộ phận xử lý tờ khai:	05
Ngày đăng ký:	17/12/2013 11:00:36			Ngày thay đổi đăng ký:	

Người nhập khẩu

Mã:	0302058922
Tên:	Công Ty TNHH Tiến Giang
Mã bưu chính:	34343
Địa chỉ:	dsf
Điện thoại:	ASDF

Người xuất khẩu

Mã:	
Tên:	CONG TY TNHH FOJI MOLD VIET NAM
Mã bưu chính:	0313
Địa chỉ:	971-973 PLOENCHIT ROAD LUMPINI BANGKOK THAILAND
Mã nước:	TH

Đại lý Hải quan:	D1032	Mã nhân viên Hải quan:	

Số House AWB:	111-111111		
Số Master AWB:	1		
Cảng dỡ hàng:	HAN HA NOI	Số lượng:	34 Gói
Địa điểm xếp hàng:	JPTYO TOKYO - TOKYO	Tổng trọng lượng hàng (Gross):	550 KGM
Tên máy bay chở hàng:	JL0425/25APR	Địa điểm lưu kho:	45NFX15 BAT LUA CHERRY YEAR
Ngày hàng đến:	25/04/2013		

Tỷ giá tính thuế:	USD - 20,828
	CNY - 339,966
	CHF - 2,234,524
Tỷ giá hóa đơn:	A - CIF - USD - 12
Phí vận chuyển:	A - CNY - 34
Phí bảo hiểm:	A - CHF - 3,434

Mô tả hàng hóa:	mo ta		
Trị giá tính thuế:	VND 343 - [*]	Nước xuất xứ:	TH - THAILND
Ghi chú:	343		
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp:	3434343		

Tên trưởng đơn vị hải quan:	
Ngày cấp phép nhập khẩu:	
Ngày hoàn thành kiểm tra:	
Thời hạn tái xuất:	

Tờ khai xuất

I.4. Danh mục miễn thuế nhập khẩu

Chức năng này cho phép công chức xem thông tin danh mục miễn thuế nhập khẩu VNACCS

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Danh mục miễn thuế nhập khẩu

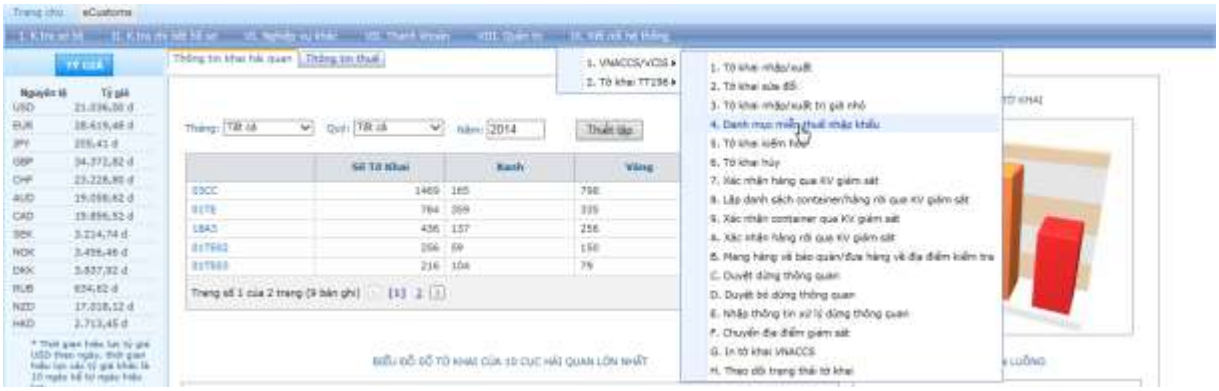

Hệ thống hiển thị danh sách danh mục miễn thuế nhập khẩu

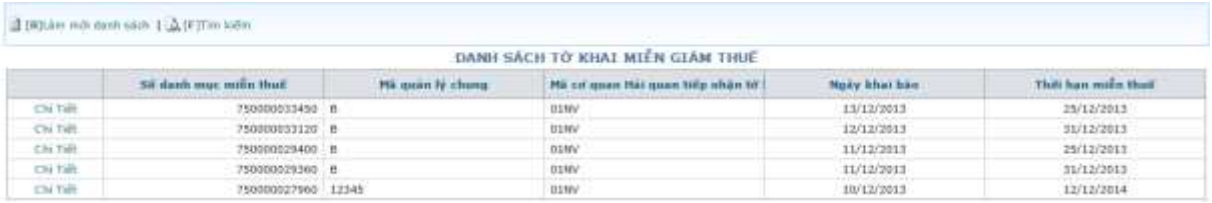

DANH SÁCH TỜ KHAI MIỄN GIẢM THUẾ

	Số danh mục miễn thuế	Mã quản lý chung	Mã cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ	Ngày khai báo	Thời hạn miễn thuế
Chi Tiết	7500000033450	B	01NV	13/12/2013	25/12/2013
Chi Tiết	7500000033120	B	01NV	12/12/2013	31/12/2013
Chi Tiết	7500000029400	B	01NV	11/12/2013	25/12/2013
Chi Tiết	7500000029360	B	01NV	11/12/2013	31/12/2013
Chi Tiết	7500000027960	12345	01NV	10/12/2013	12/12/2014

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị như ở dưới:

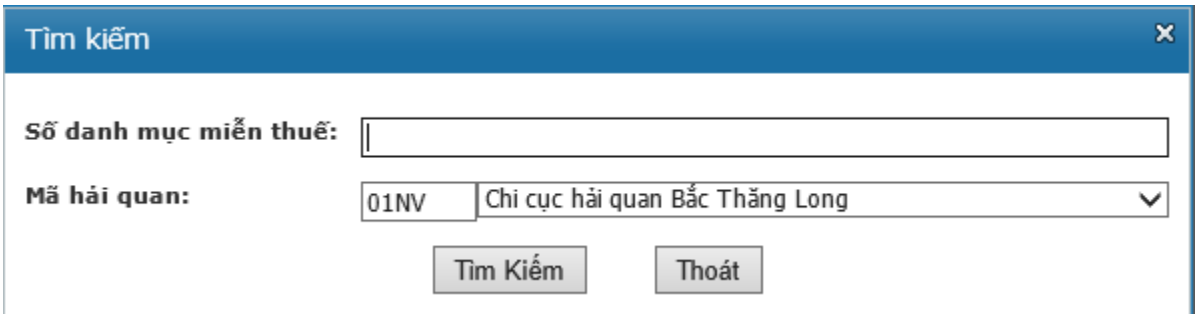

<u>Bước 2</u>: Để xem chi tiết thông tin, công chức chọn **Chi tiết** màn hình chi tiết được hiển thị:

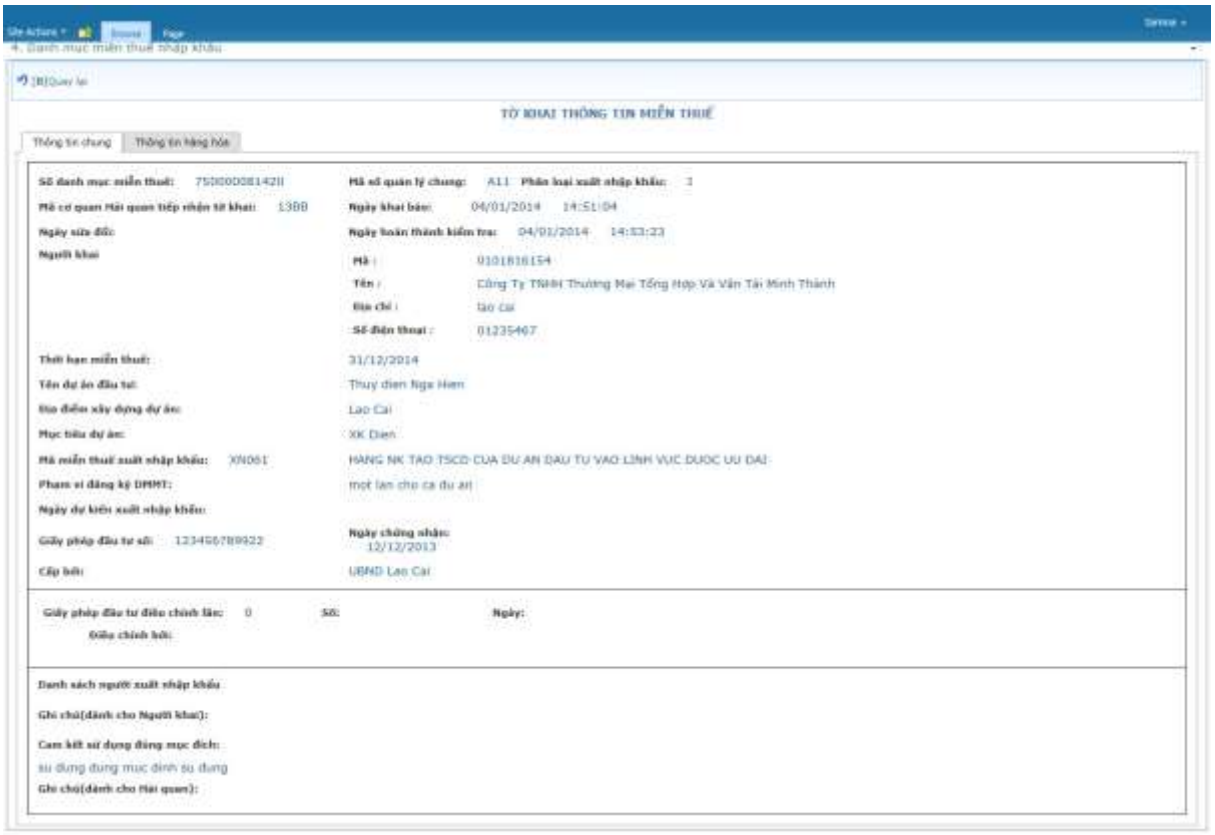

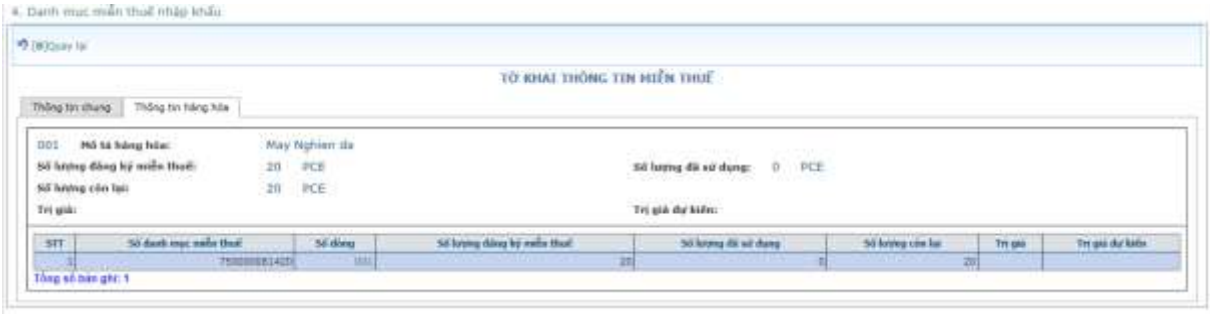

I.5. Tờ khai kiểm hóa

Chức năng này cho phép công chức xem thông tin kiểm hóa của tờ khai VNACCS

Bước 1: Công chức vào chức năng Tờ khai kiểm hóa

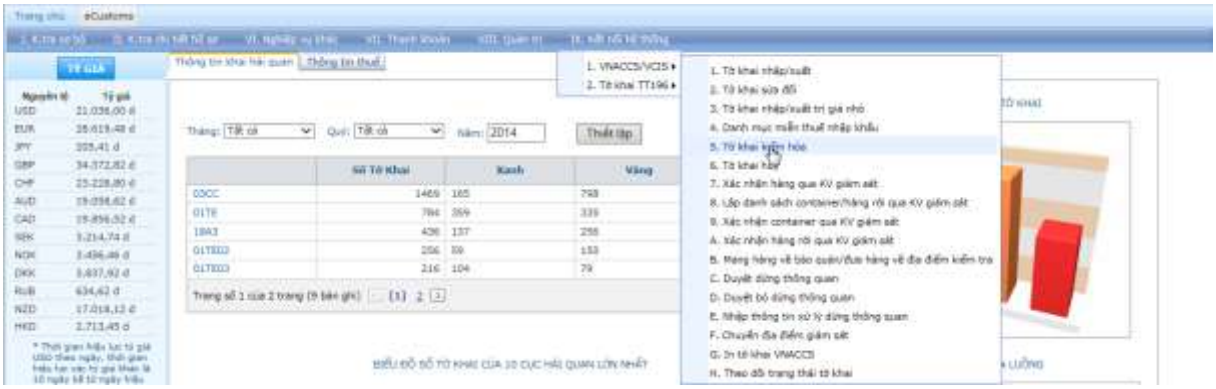

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

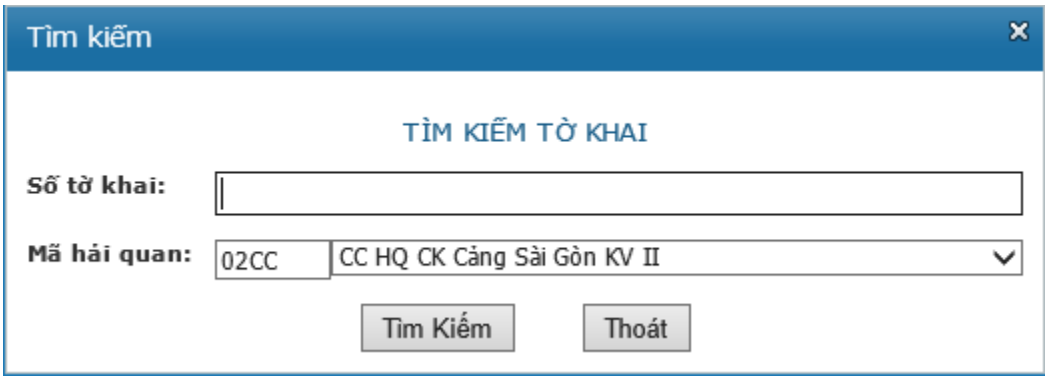

Bước 2: Thực hiện nhập thông tin tìm kiếm và chọn **Tìm kiếm** hệ thống hiển thị danh sách thông tin kiểm hóa của tờ khai

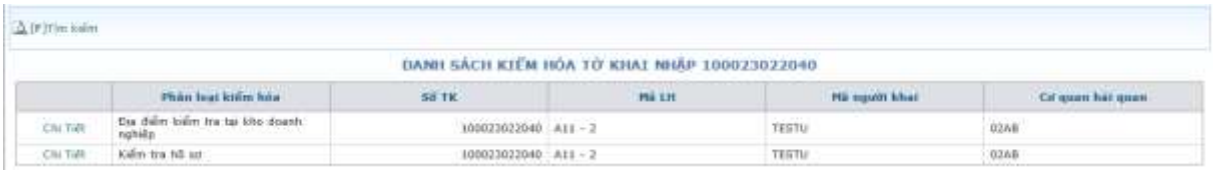

Để tìm kiếm tờ khai khác chọn **[F]Tìm kiếm**, hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

<u>Bước 3</u>: Chọn **Chi tiết** để xem thông tin kiểm hóa

I.6. Tờ khai hủy

Chức năng này cho phép công chức xem thông tin tờ khai hủy VNACCS

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Tờ khai hủy

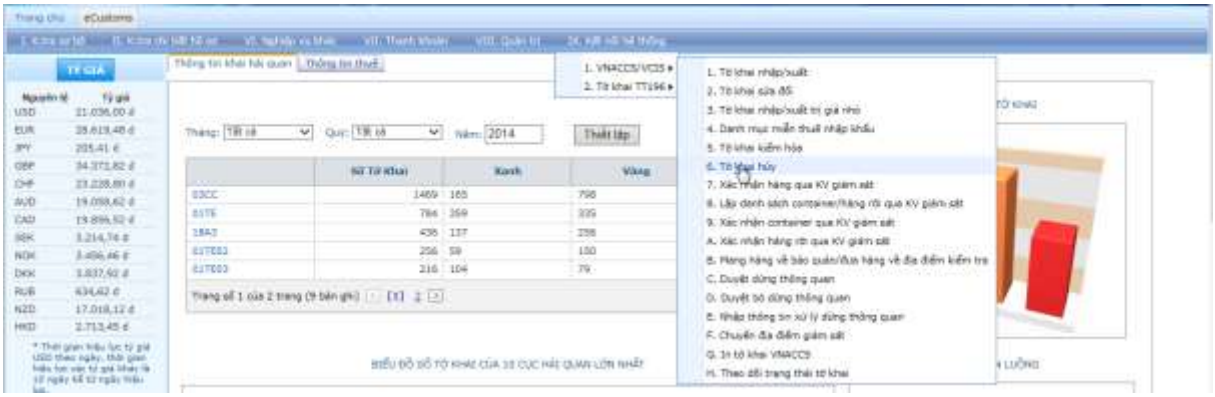

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách tờ khai

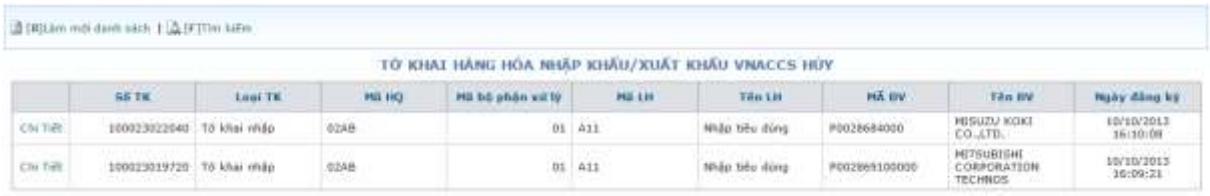

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị như ở dưới:

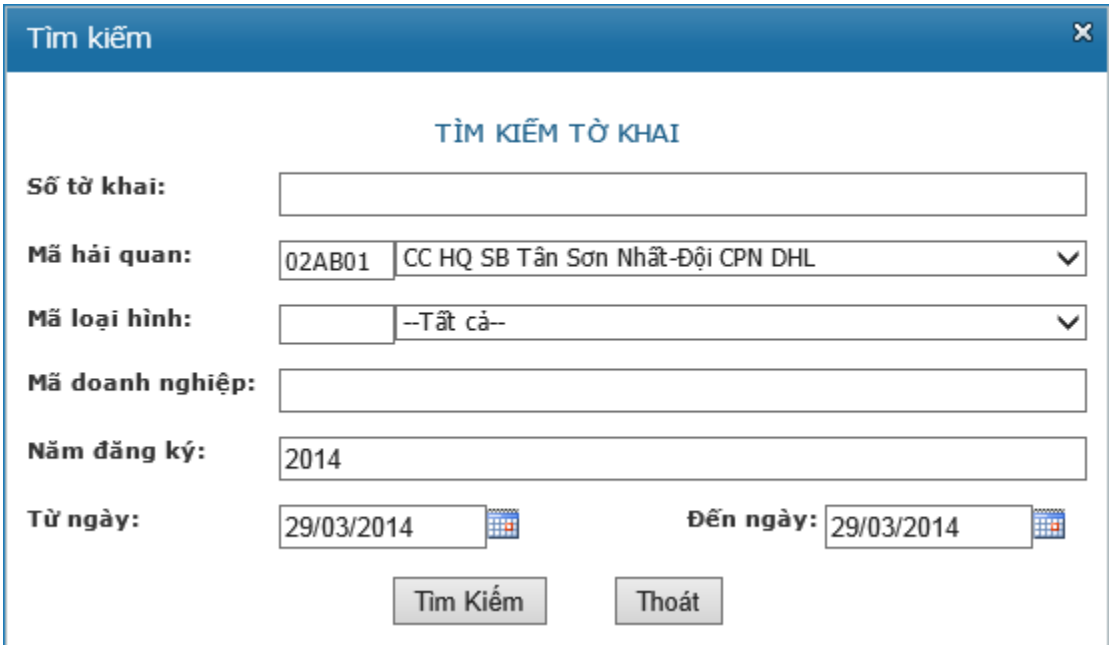

Bước 2: Chọn **Chi tiết** để xem thông tin chi tiết

6. Tờ khai hủy

[R]Quay lại

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan

Số tờ khai: 10002302204B **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: C1 D **Mã loại hình:** A11 _ 2 [1] **Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai:** 1000
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 01
Ngày đăng ký: 10/10/2013 16:10:08 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người nhập khẩu
Mã: P002868400-0
Tên: MISUZU KOKI CO.,LTD.
Mã bưu chính: 1234567
Địa chỉ: 222-CLEARANCE,MT/CARGO,EDIFACT,XML T?n s?c thu? Thu? XK Thu? NK Thu? b? sung Thu? t? v? Ch?ng b?n p/
Số điện thoại: 123001
Người ủy thác nhập khẩu
Mã: P002868401-1
Tên:

Người xuất khẩu
Mã: A000001ONZ-1
Tên: A000001ONZ-NAME----------E
Mã bưu chính: 987654321
Địa chỉ: A000001ONZ-ADDRESS1----------E A000001ONZ-ADDRESS2----------E
A000001ONZ-ADDRESS3----------E A000001ONZ-ADDRESS4----------E
Mã nước: AD
Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý hải quan: TESTU C MINISTRY OF HEALTH----------01 **Mã nhân viên hải quan:**

Số vận đơn

STT	Số vận đơn
1	BL001
2	BL009
3	So van dơnnnnnnnnnnnnnnnnnnnnnnnnn

Số lượng: 12.345.678 PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 123 KGM
Số lượng container: 1

Địa điểm lưu kho: 02ABC01 NAME-02AB-C01-------E
Địa điểm dỡ hàng: VNCRB CAM RANH
Địa điểm xếp hàng: JPTYO JPTYO----------E
Phương tiện vận chuyển: 9999 BIN-NAME----------E
Ngày hàng đến: 11/06/2013
Ký hiệu và số hiệu: KIGOU----------

E
Ngày được phép nhập kho đầu tiên:
Mã văn bản pháp quy khác:

Số hóa đơn: A
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành:
Phương thức thanh toán:
Tổng trị giá hóa đơn: A - CIF - USD - 123
Tổng trị giá tính thuế: 50
Tổng hệ số phân bổ trị giá:
Mã kết quả kiểm tra nội dung:

Giấy phép nhập khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép

Mã phân loại khai trị giá:
Khai trị giá tổng hợp:
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển:
Phí bảo hiểm: -

STT	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ

Chi tiết khai trị giá:

STT	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng
1	N Thu? NK	173.482 VND	5
2	V Thu? GTGT	0 VND	0

Tổng tiền thuế phải nộp: 173.482 VND
Số tiền bảo lãnh:
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Mã xác định thời hạn nộp thuế: D **Người nộp thuế:** 1
Mã lý do đề nghị BP: **Phân loại nộp thuế:** A

Tổng số trang của tờ khai: 7 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 5

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm

Phần ghi chú:
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: quantynoibu **Số quản lý người sử dụng:** 05426

I.7. Xác nhận hàng qua khu vực giám sát

Chức năng này cho phép xác nhận hàng của tờ khai VNACCS qua khu vực giám sát.

Tờ khai có thể xác nhận đủ điều kiện qua khu vực giám sát khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tờ khai đã được cấp phép thông quan hoặc giải phóng hàng hoặc mang hàng về bảo quản hoặc đưa về địa điểm kiểm tra
- Tờ khai không bị dừng thông quan đột xuất

Khi tờ khai có thông tin khai báo không đúng hệ thống sẽ hiển thị cảnh báo.

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Xác nhận hàng qua KV giám sát

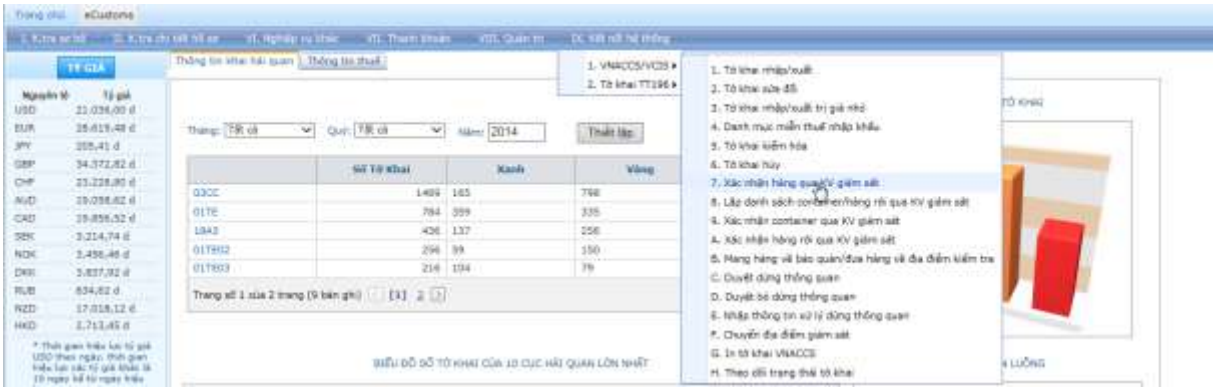

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách tờ khai chờ xác nhận

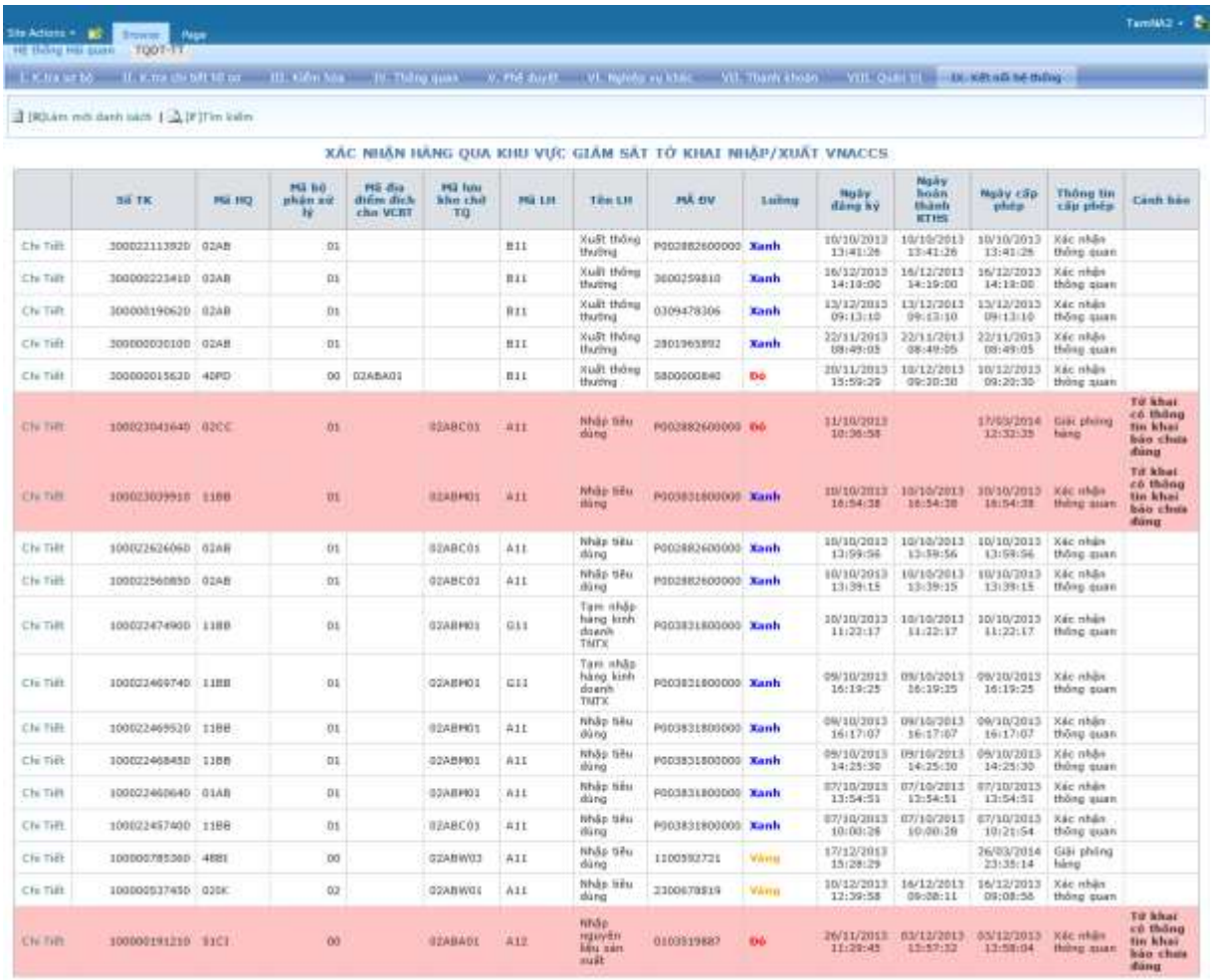

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị như ở dưới:

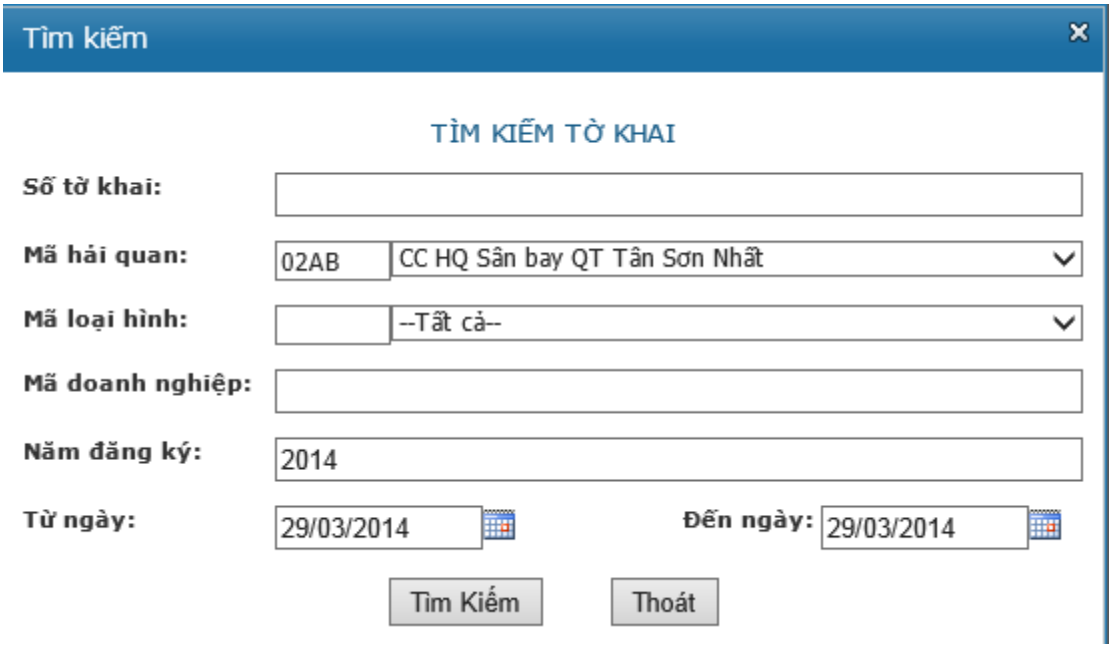

Bước 2: Chọn **Chi tiết** để xem thông tin chi tiết

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Tờ khai | Hàng | CN thị hải quan

Số tờ khai: 100000537450 **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 2 **Mã loại hình:** A11 A 2 [S] **Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai:** 3302
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: CCSGKVIV **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 02
Ngày đăng ký: 10/12/2013 12:39:58 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người nhập khẩu
Mã: 2300678819
Tên: C?ng ty TNHH Dreamtech Vi?t Nam
Mã bưu chính: (+84)43
Địa chỉ: S? 2, ??ng 9, Khu c?ng nghi?p VSIP B?c Ninh, X? Ph? Ch?n, Th? x? T? S?n, B?c Ninh
Số điện thoại: 0902672877
Người ủy thác nhập khẩu
Mã:
Tên:

Người xuất khẩu
Mã:
Tên: NHAP 3
Mã bưu chính:
Địa chỉ: 67
Mã nước:
Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý hải quan: A7561 NGUOI DAI DIEN **Mã nhân viên hải quan:** 7676

Số vận đơn

STT	Số vận đơn
1	NHAP 3

Số lượng: 20 DR
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 3.954 KGM
Số lượng container: 10

Địa điểm lưu kho: 02ABW01 DVHH TAN SON NHAT
Địa điểm dỡ hàng: VNCLI CANG CAT LAI (HO CHI MINH)
Địa điểm xếp hàng: SGSIN SINGAPORE
Phương tiện vận chuyển: SGS XE DAU KEO
Ngày hàng đến: 18/11/2013
Kỳ hiệu và số hiệu:
Ngày được phép nhập kho đầu tiên:
Mã văn bản pháp quy khác:

Số hóa đơn: A - 80047762
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành: 08/11/2013
Phương thức thanh toán: LC
Tổng trị giá hóa đơn: D - CIF - SGD - 90.360
Tổng trị giá tính thuế: 1.475.166.758,4
Tổng hệ số phân bổ trị giá: 90.360 - M
Mã kết quả kiểm tra nội dung: A

Giấy phép nhập khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép

Mã phân loại khai trị giá:
Khai trị giá tổng hợp:
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển:
Phí bảo hiểm: -

STT	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ

Chi tiết khai trị giá:

STT	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng
1	N Thu? NK	73.758.338 VND	1
2	V Thu? GTGT	154.892.510 VND	1

Tổng tiền thuế phải nộp: 228.650.848 VND
Số tiền bảo lãnh:
Tỷ giá tính thuế: SGD - 16.325,44
Mã xác định thời hạn nộp thuế: D **Người nộp thuế:** 2
Mã lý do đề nghị BP: **Phân loại nộp thuế:** A

Tổng số trang của tờ khai: 3 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 1

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm

Phần ghi chú:
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: **Số quản lý người sử dụng:** 01013

Ngày hải quan giám sát xác nhận: 29/03/2014 15:14
Ghi nhận HQ:

Ngày hải quan giám sát xác nhận sẽ được lấy mặc định từ ngày hệ thống.

Bước 3: Nhập thông tin ngày hải quan giám sát xác nhận, thông tin ghi nhận và chọn **[S]Ghi lại** để xác nhận hàng qua khu vực giám sát. Sau khi xác nhận tờ khai sẽ được chuyển sang khâu xác nhận container qua khu vực giám sát.

I.8. Lập danh sách container/hàng rời qua khu vực giám sát

Chức năng này cho phép công chức lập danh sách container/hàng rời qua khu vực giám sát với tờ khai nhập.

Chỉ có thể thao tác với tờ khai đã được hải quan giám sát xác nhận ở khâu "xác nhận hàng qua khu vực giám sát".

Trường hợp lập danh sách container

Bước 1: Công chức vào chức năng lập danh sách container/hàng rời qua khu vực giám sát

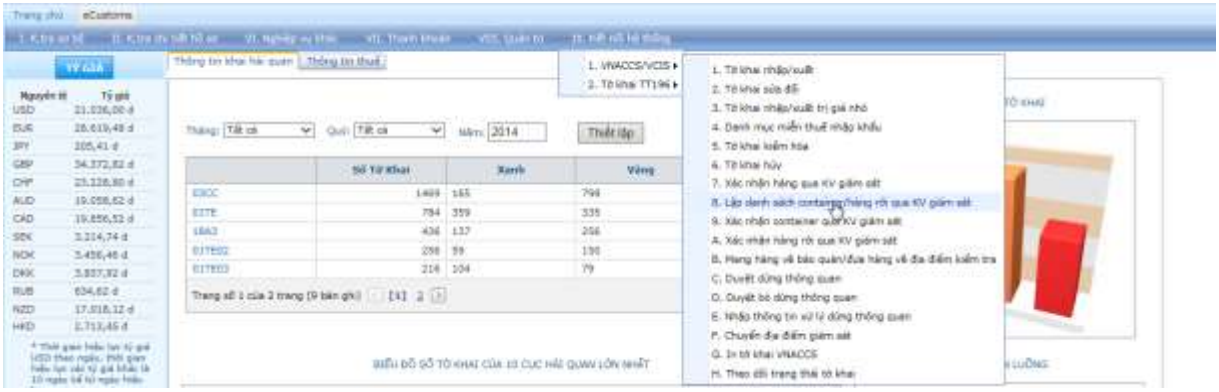

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

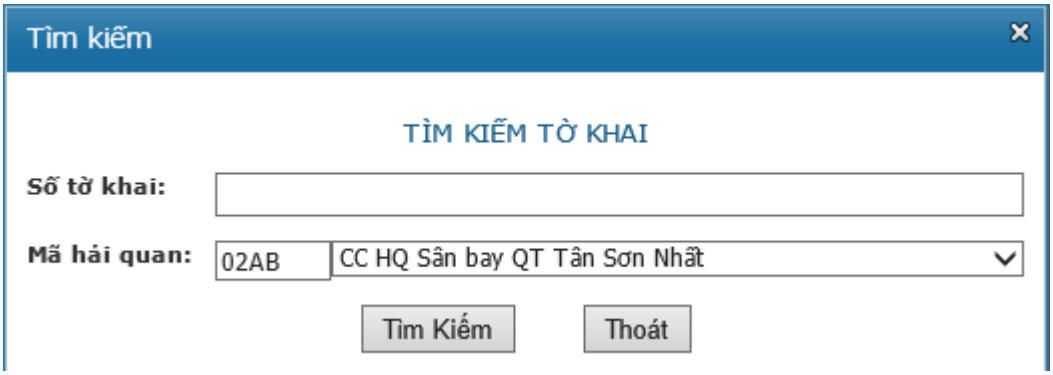

<u>Bước 2</u>: Thực hiện nhập thông tin tìm kiếm và chọn **Tìm kiếm** hệ thống hiển thị thông tin tờ khai cùng thông tin container được lấy từ hệ thống E-manifest.

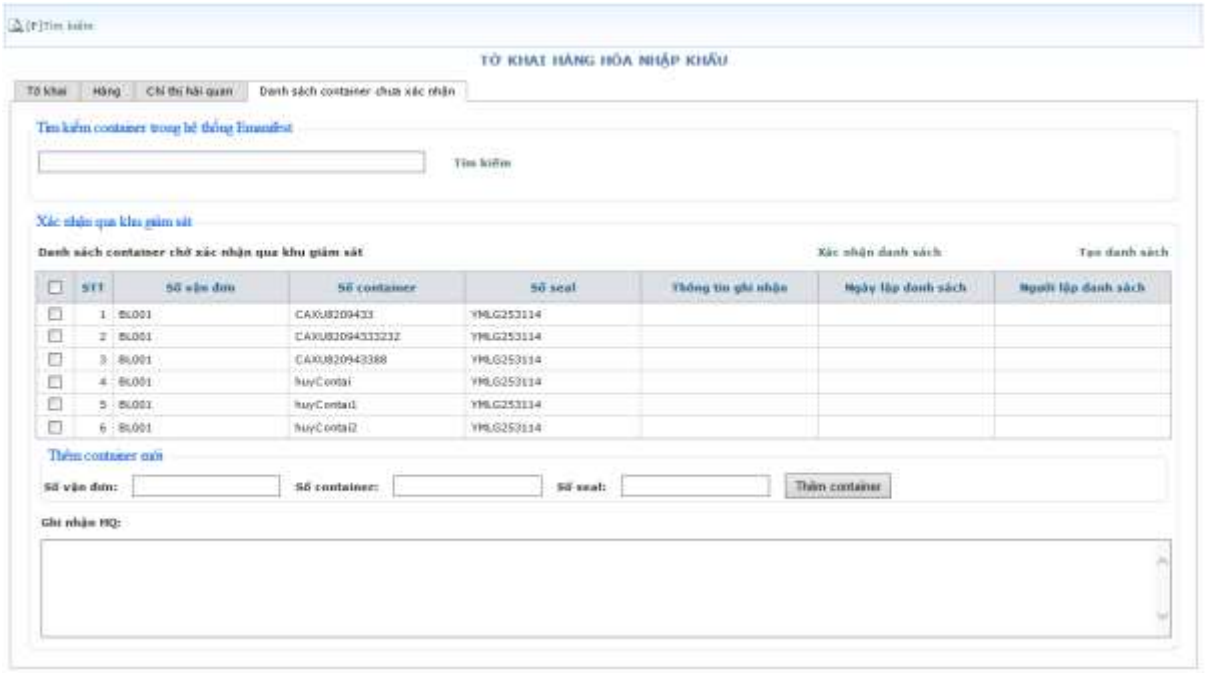

<u>Bước 3</u>: Thực hiện lập danh sách container cần xác nhận qua khu vực giám sát tại tab "**Danh sách container chưa xác nhận**"

Trường hợp hệ thống sẽ thực hiện lấy dữ liệu container thông qua số vận đơn: Thông tin này sẽ được đưa vào danh sách container chờ xác nhận qua khu giám sát.

- **<u>Bước 3.1</u>**: Công chức thực hiện lập danh sách container cần xác nhận qua khu vực giám sát

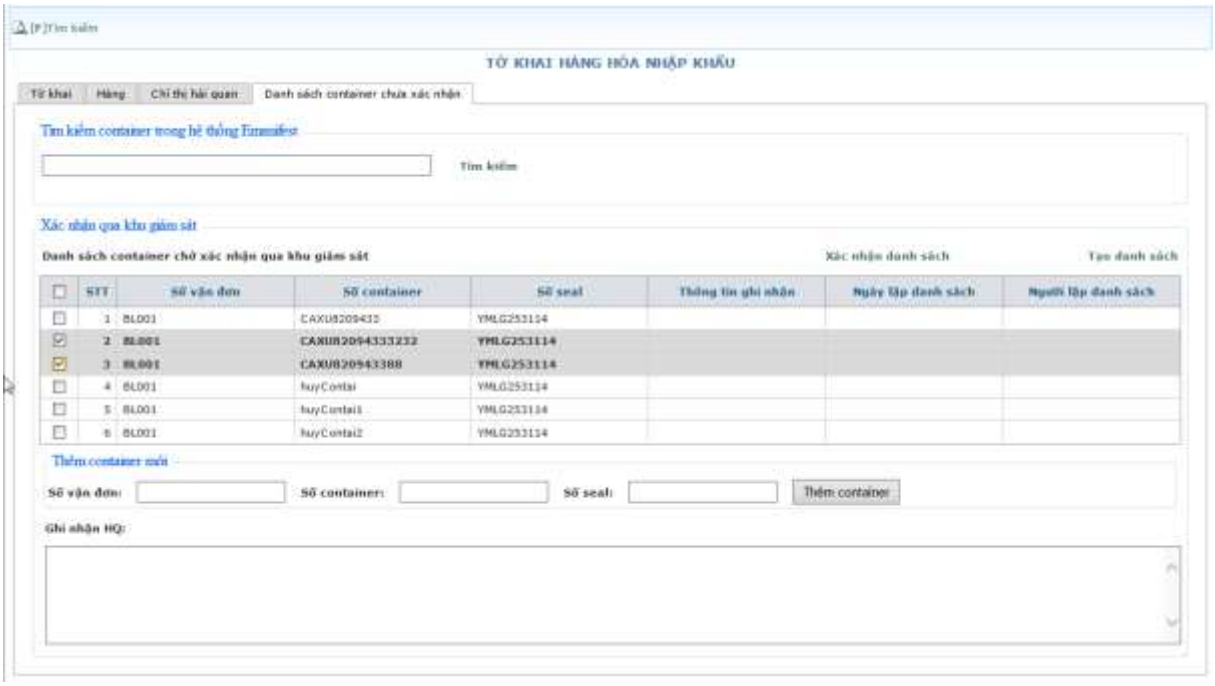

- **<u>Bước 3.2</u>**: Nhập thông tin ghi nhận và chọn "Lập danh sách" để tạo danh sách container

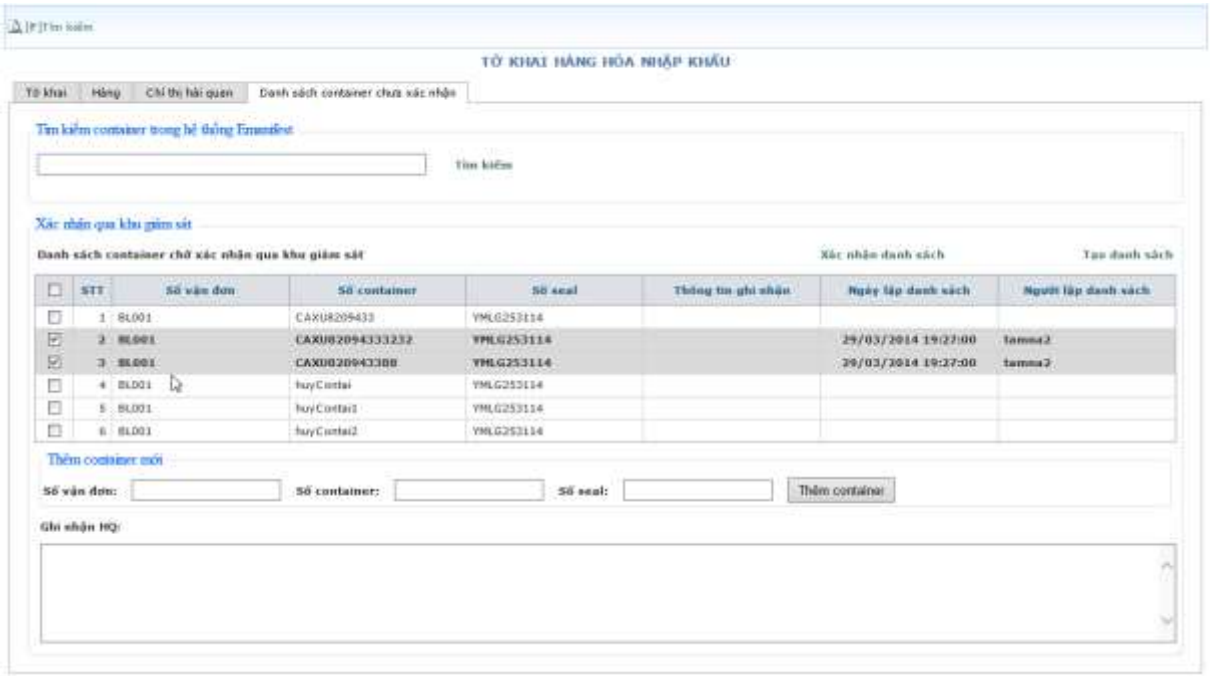

- **<u>Bước 3.3</u>**: Chọn "Xác nhận danh sách": danh sách container sẽ được chuyển sang tab "**Danh sách container đã xác nhận**"

Trường hợp không lấy được thông tin container tương ứng với vận đơn khai báo: hệ thống hỗ trợ tìm kiếm thông tin container qua số vận đơn.

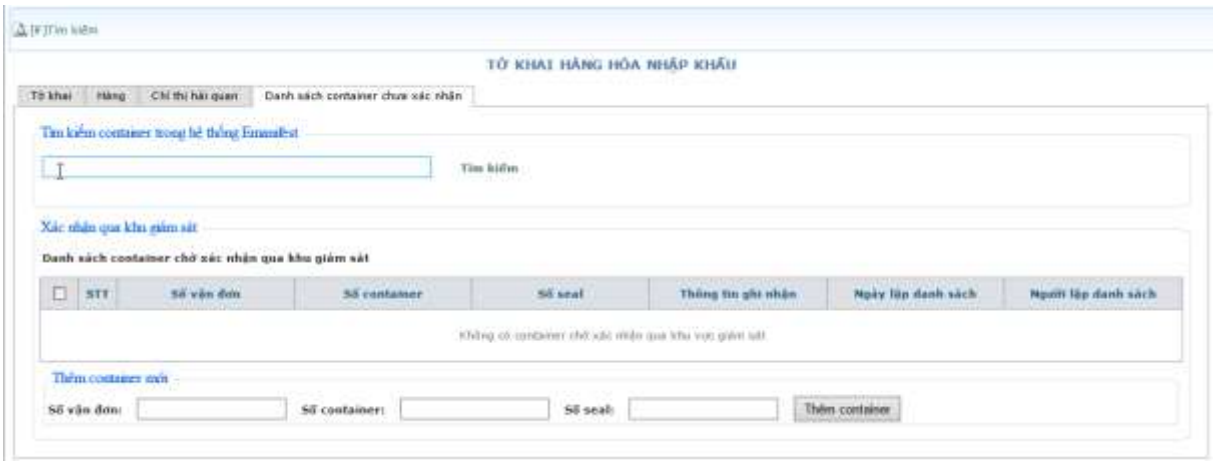

- **<u>Bước 3.1</u>**: Nhập số vận đơn và chọn “Tìm kiếm” hệ thống hiển thị danh sách container

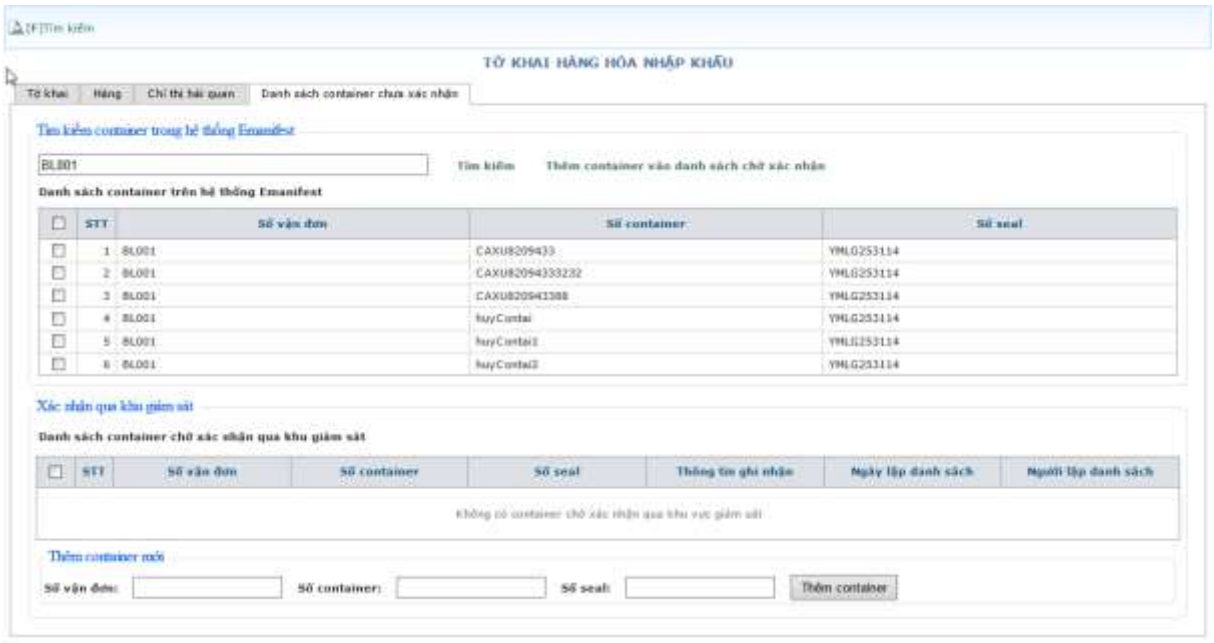

- **<u>Bước 3.2</u>**: Công chức thực hiện chọn danh sách container thuộc tờ khai và chọn "Thêm container vào danh sách chờ xác nhận", danh sách container sẽ được chuyển xuống danh sách container chờ xác nhận qua khu giám sát

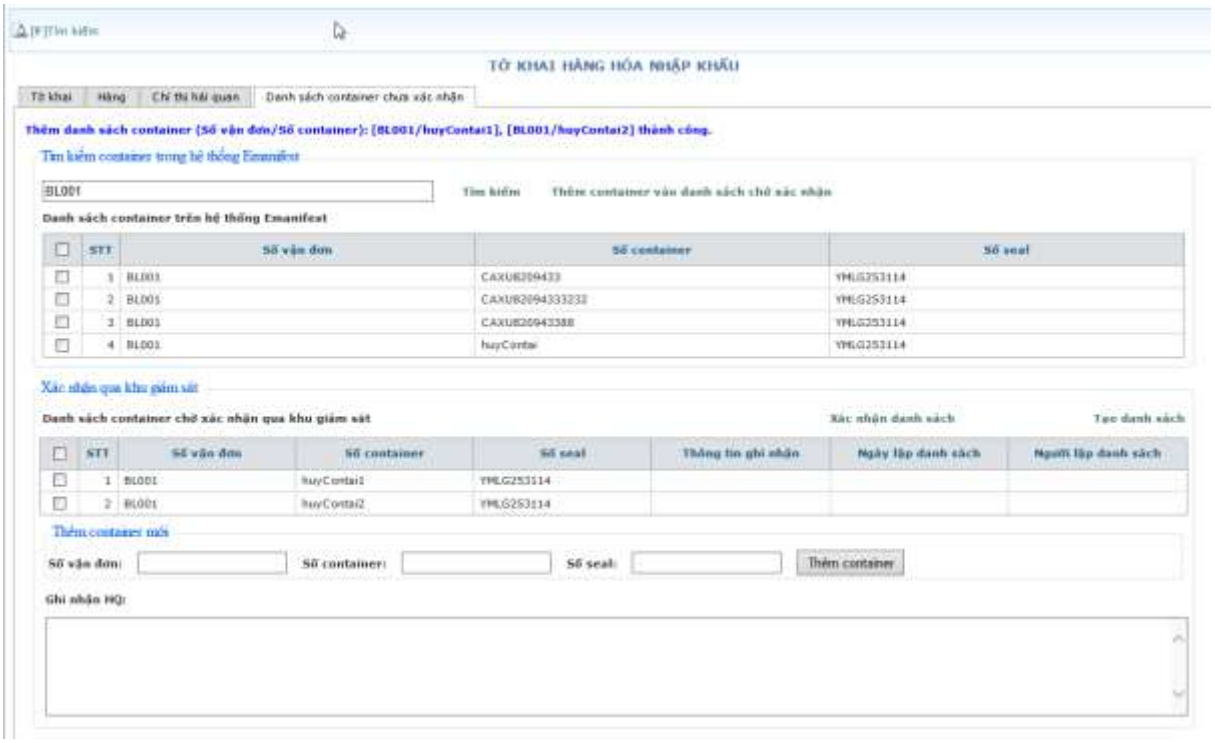

- **<u>Bước 3.3</u>**: Nhập thông tin ghi nhận và chọn "Lập danh sách" để tạo danh sách container

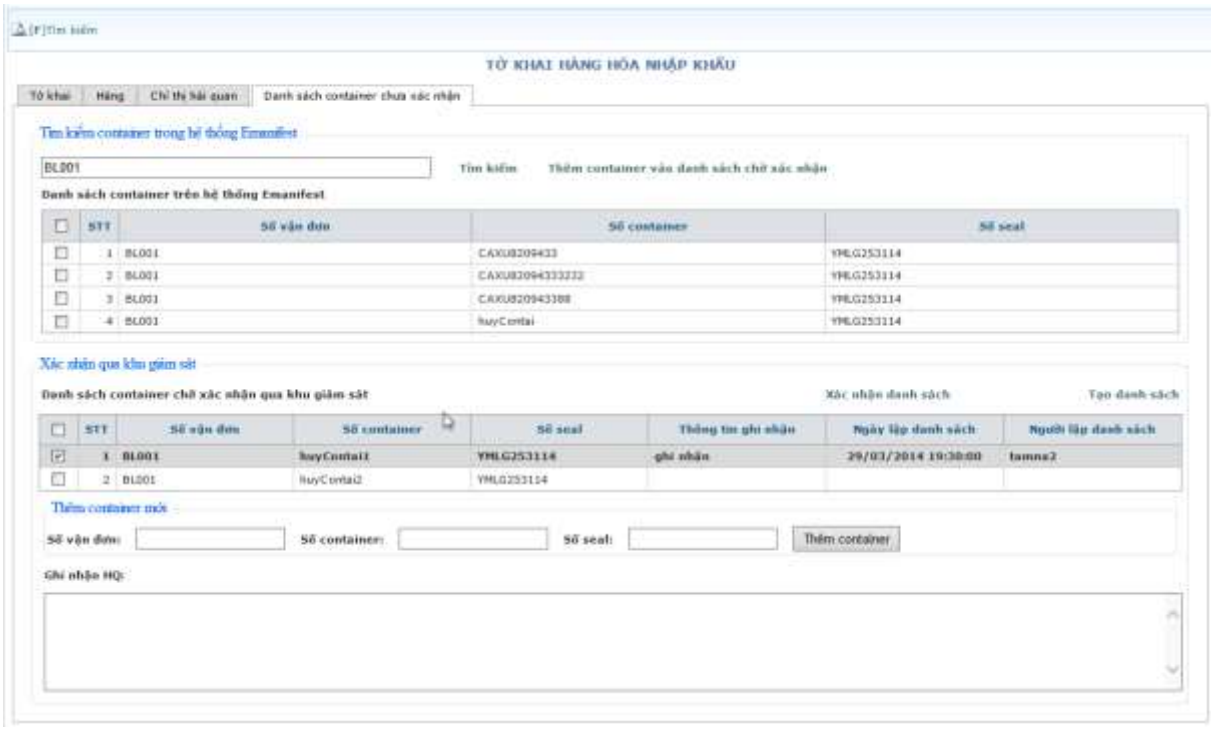

- **<u>Bước 3.4</u>**: Chọn "Xác nhận danh sách": danh sách container sẽ được chuyển sang tab "**Danh sách container đã xác nhận**"

Trường hợp không lấy được thông tin container từ hệ thống E-manifest: hệ thống hỗ trợ việc thêm mới thông tin container cần xác nhận qua khu vực giám sát

- **<u>Bước 3.1</u>**: Nhập thông tin vận đơn thêm mới

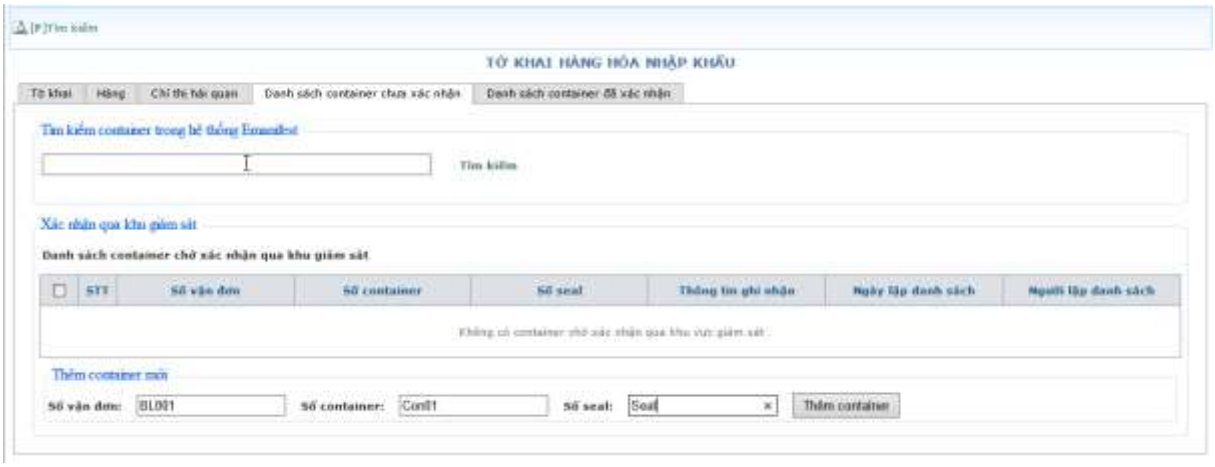

- **<u>Bước 3.2</u>**: Chọn "Thêm container" container sẽ được chuyển xuống danh sách container chờ xác nhận qua khu giám sát

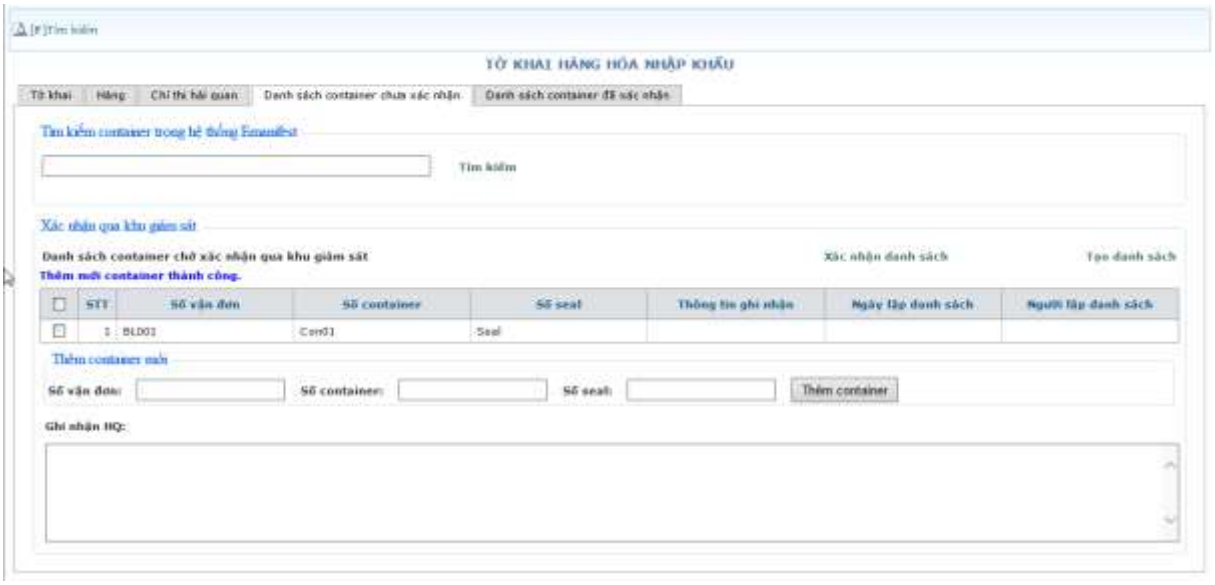

Trường hợp không lấy được thông tin container từ hệ thống E-manifest: hệ thống hỗ trợ việc thêm mới thông tin container cần xác nhận qua khu vực giám sát từ file excel

- **<u>Bước 3.1</u>**: Chọn file danh sách conainer

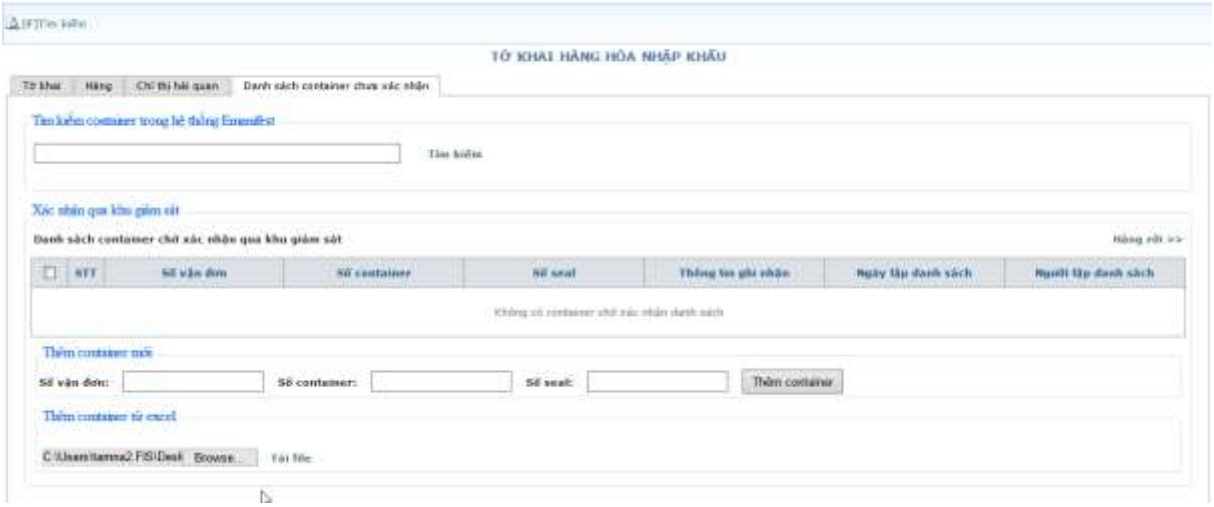

- **<u>Bước 3.2</u>**: Chọn “Tải file” để tải danh sách container

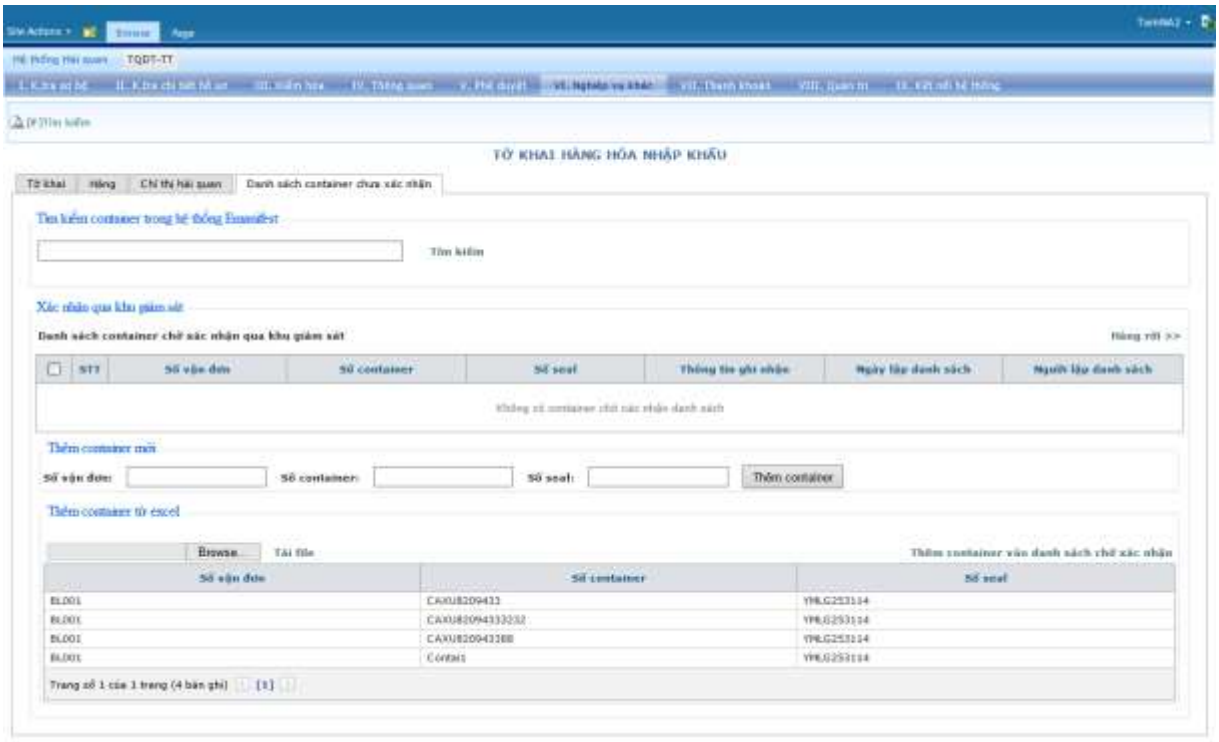

- **<u>Bước 3.3</u>**: Chọn “Thêm container vào danh sách chờ xác nhận” container sẽ được chuyển lên danh sách container chờ xác nhận qua khu giám sát

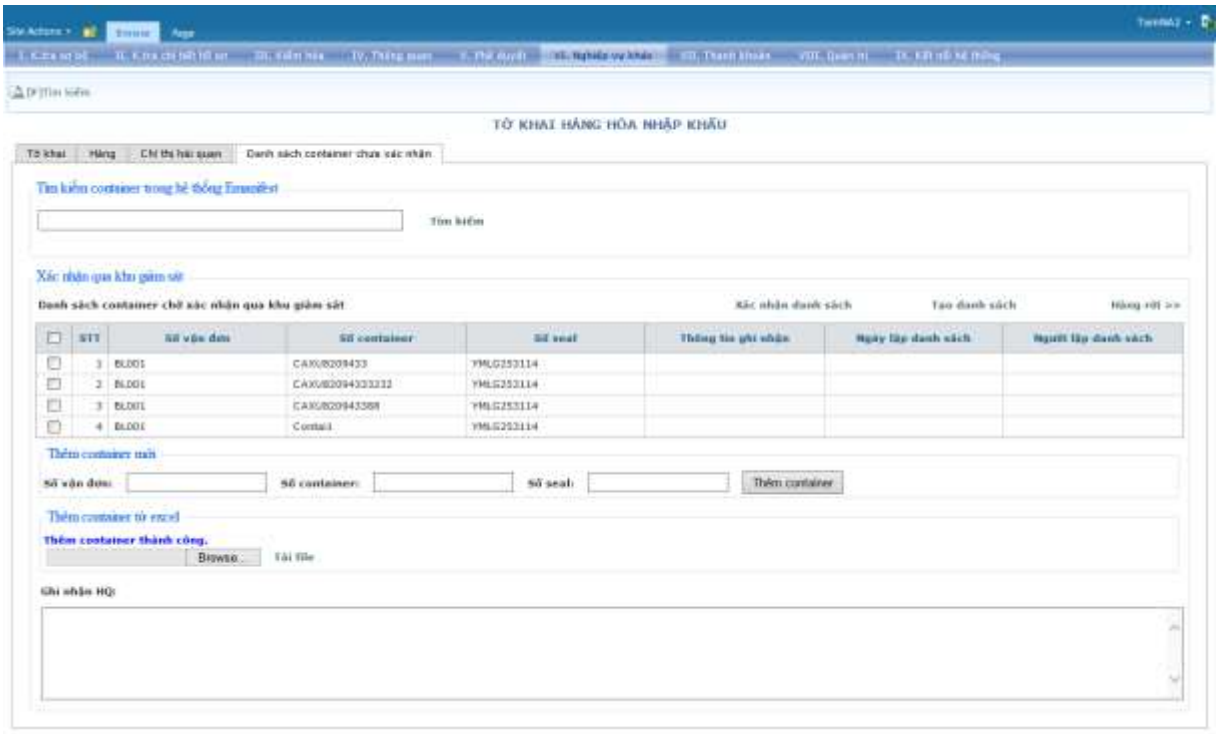

<u>Bước 4</u>: Thực hiện bỏ container xác nhận sai khỏi danh sách container đã xác nhận tại tab "**Danh sách container đã xác nhận**"

Chọn "In báo cáo" để in danh sách container cần xác nhận qua khu vực giám sát.

- **<u>Bước 4.1</u>**: Công chức thực hiện chọn danh sách container cần bỏ xác nhận

- **Bước 4.2**: Chọn "Bỏ container xác nhận sai" để bỏ danh sách xác nhận sai

Trường hợp lập thông tin hàng rời

Bước 1: Công chức vào chức năng lập danh sách container/hàng rời qua khu vực giám sát

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

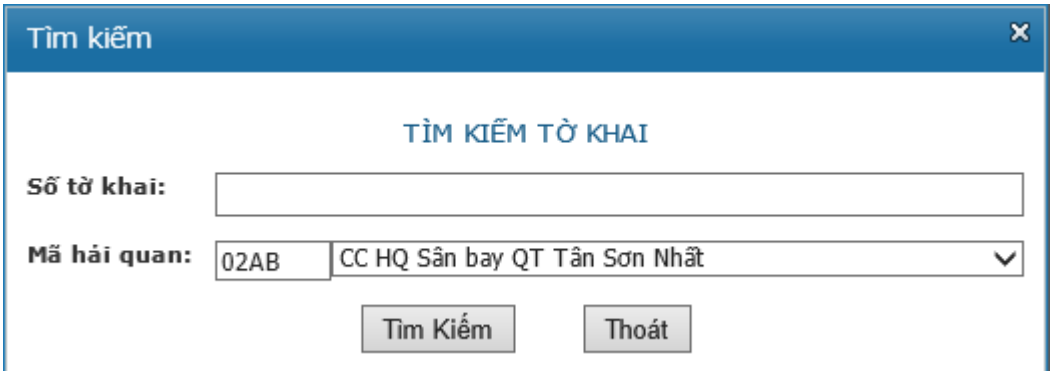

Bước 2: Thực hiện nhập thông tin tìm kiếm và chọn **Tìm kiếm** hệ thống hiển thị thông tin tờ khai.

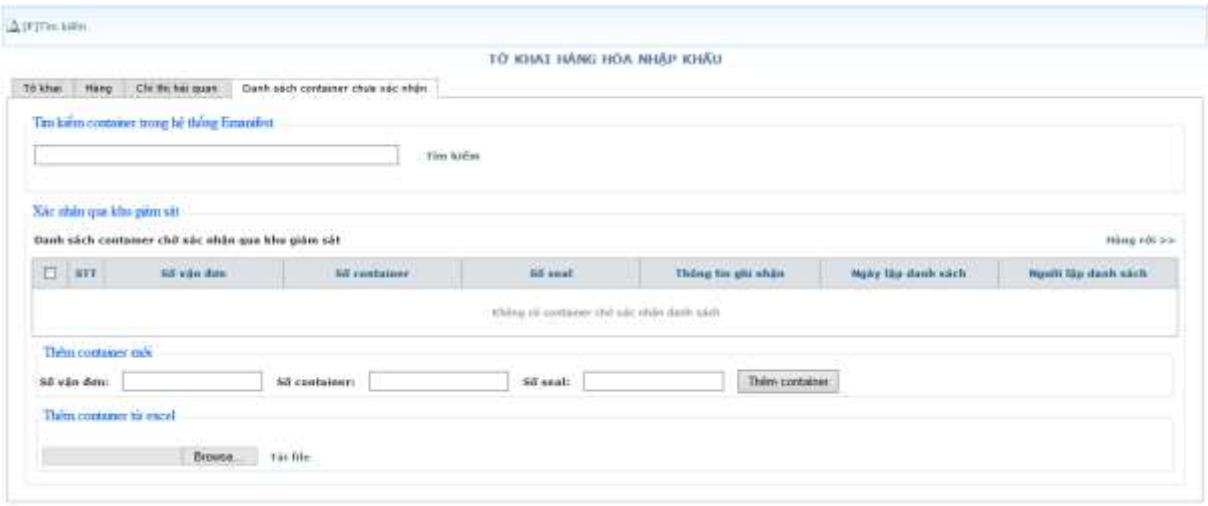

Bước 3: Chọn "Hàng rời >>" để nhập thông tin hàng rời

Bước 4: Nhập thông tin mô tả hàng hóa và tổng số lượng, chọn "Ghi lại"

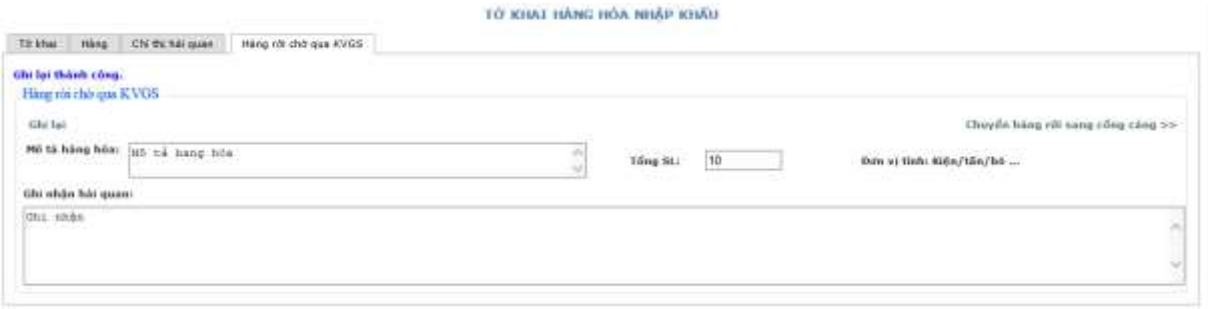

Bước 5: Sau khi ghi lại thông tin thành công, chọn "**Chuyển hàng rời sang cổng cảng >>**" để thực hiện theo dõi thông tin hàng rời ra khỏi khu vực giám sát

I.9. Xác nhận container qua khu vực giám sát

Chức năng này cho phép công chức xác nhận container qua khu vực giám sát với tờ khai nhập.

Chỉ có thể thao tác với tờ khai đã được hải quan giám sát xác nhận ở khâu "xác nhận hàng qua khu vực giám sát" và đã được lập danh sách contaier qua khu vực giám sát.

Bước 1: Công chức vào chức năng xác nhận container qua khu vực giám sát

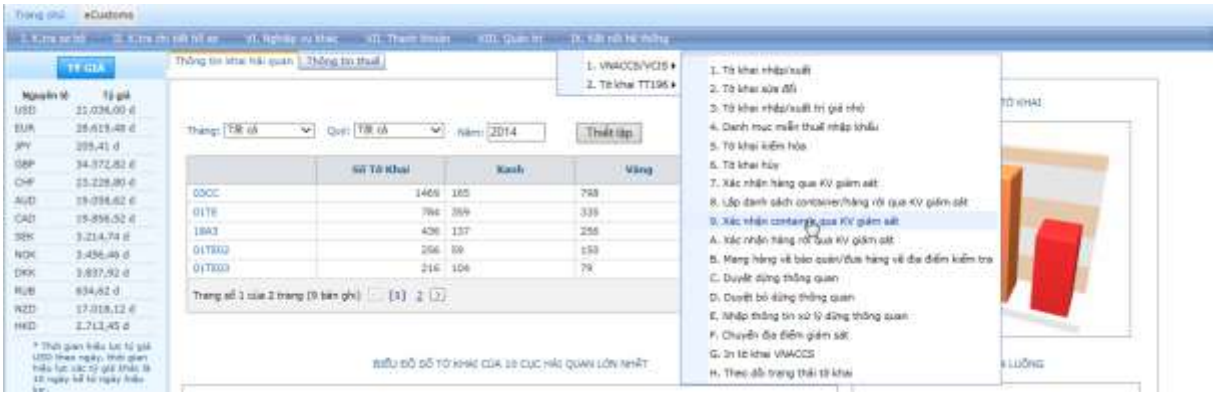

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

Bước 2: Công chức thực hiện chọn danh sách container qua khu vực giám sát

<u>Bước 3</u>: Nhập thông tin ghi nhận và chọn "Cập nhật thông tin xác nhận" để tạo danh sách container

<u>Bước 4</u>: Chọn "Xác nhận qua khu vực giám sát" danh sách container sẽ được chuyển sang tab "**Danh sách container đã qua KGS**"

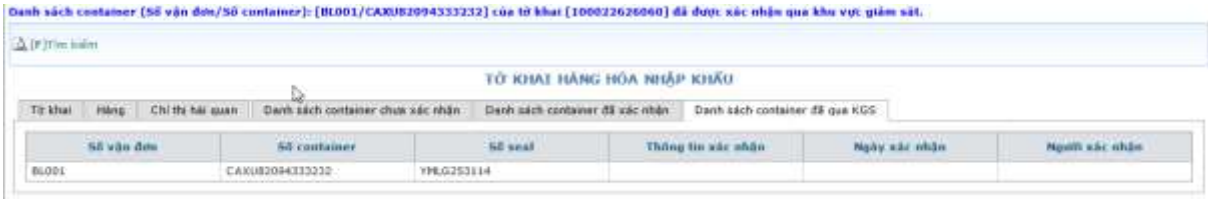

I.10. Xác nhận hàng rời qua khu vực giám sát

Chức năng này cho phép công chức nhập số lượng thực tế của hàng rời trong mỗi lần hàng qua KVGS.

Chỉ có thể thao tác với tờ khai đã được hải quan giám sát xác nhận ở khâu "xác nhận hàng qua khu vực giám sát" và thông tin hàng rời đã được chuyển ra cổng cảng.

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng xác nhận hàng rời qua khu vực giám sát

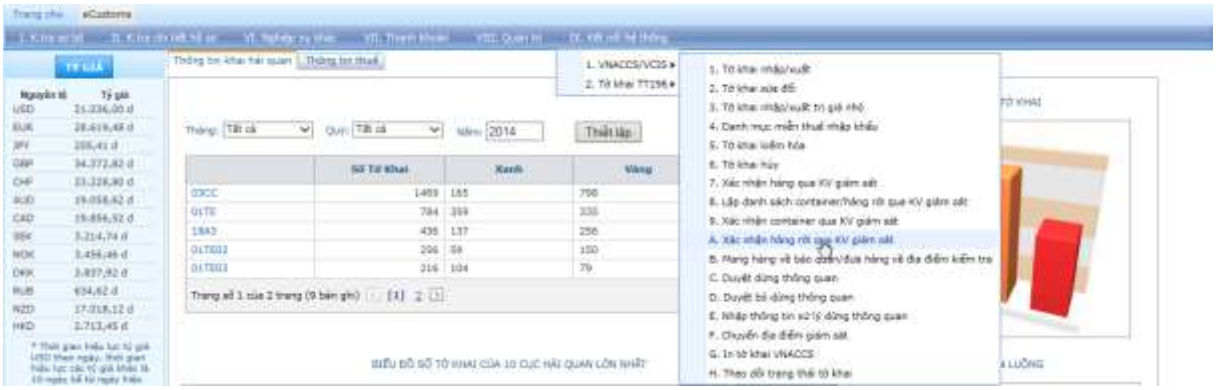

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

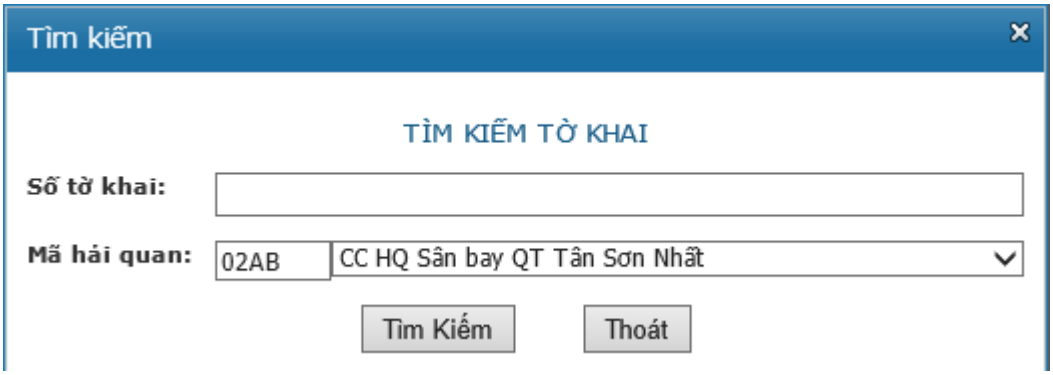

Bước 2: Hệ thống hiển thị thông tin hàng rời

Bước 3: Nhập thông tin số lượng của từng chuyến hàng và chọn “Ghi lại” để cập nhật thông tin. Khi muốn thêm chuyến mới thì chọn “Thêm chuyến”.

Khi chuyến đã được nhập liệu, thì chỉ cán bộ hải quan nhập liệu chuyến đó mới được quyền sửa.

<u>Bước 4</u>: Khi số lượng còn lại đã là 0 thực hiện "Xác nhận toàn bộ" để xác nhận toàn bộ hàng qua khu vực giám sát. Sau khi đã xác nhận toàn bộ thì không cho thêm mới chuyến hay chỉnh sửa thông tin đã nhập liệu.

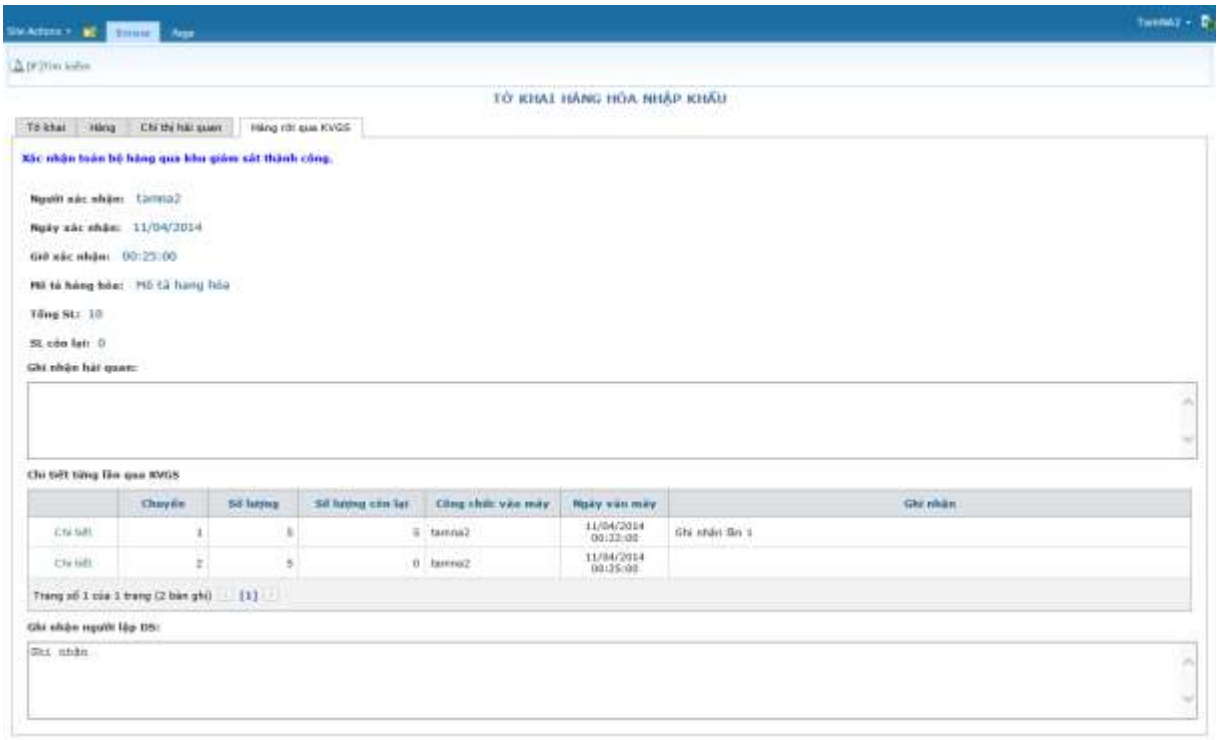

I.11. Mang hàng về bảo quản/đưa hàng về địa điểm kiểm tra

Chức năng này cho phép công chức cập nhật thông tin mang hàng về bảo quản hoặc đưa hàng về địa điểm kiểm tra.

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng mang hàng về bảo quản/đưa hàng về địa điểm kiểm tra

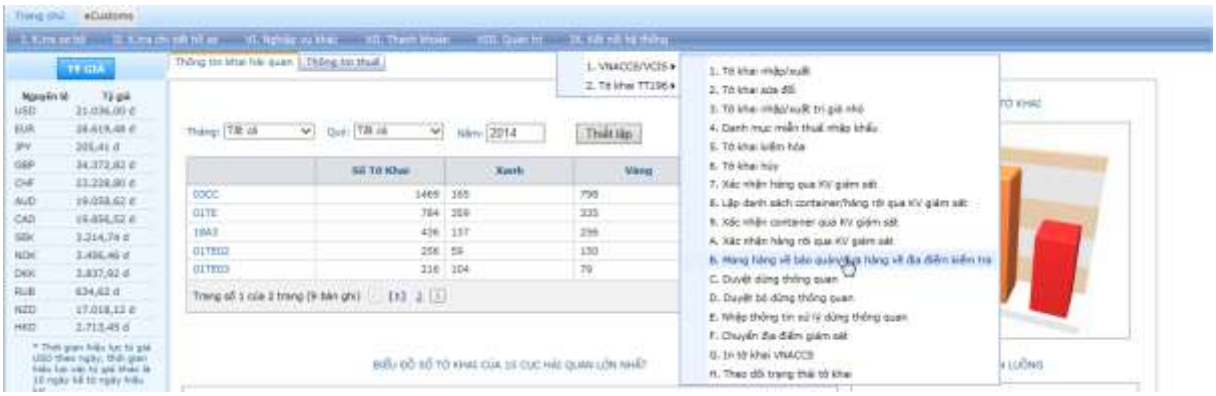

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

<u>Bước 2</u>: Thực hiện nhập thông tin tìm kiếm và chọn **Tìm kiếm** hệ thống hiển thị thông tin tờ khai

[N]Ghi lại | [F]Tìm kiếm

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan

Số tờ khai: 100000128060 **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 2 **Mã loại hình:** A11 1 [4] **Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai:** 9618
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 01
Ngày đăng ký: 22/11/2013 11:27:42 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người nhập khẩu
Mã: 3301343503
Tên: C?ng ty TNHH MSV
Mã bưu chính:
Địa chỉ: L? C2-3, C2-4 KCN PH? B?I GIAI 7O?N II
Số điện thoại: 3955561
Người ủy thác nhập khẩu
Mã:
Tên:

Người xuất khẩu
Mã:
Tên: MAINETTI (SINGAPORE) PTE LTD
Mã bưu chính: 065
Địa chỉ: 545 ORCHARD ROAD # 10-08 FAR EAST SHOPPING SINGAPORE
SINGAPORE SINGAPORE
Mã nước: JP
Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý hải quan: H2439 **Mã nhân viên hải quan:**

Số vận đơn

STT	Số vận đơn
1	YOKSGN1110594

Số lượng: 2 BA
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 407 KGM
Số lượng container:

Địa điểm lưu kho: 02CCS01 CTY MTV CANG SG CCS
Địa điểm dỡ hàng: VNSGN HO CHI MINH
Địa điểm xếp hàng: JPYOK YOKOHAMA - KANAGAWA
Phương tiện vận chuyển: VN1318/20NOV
Ngày hàng đến: 24/11/2013
Kỳ hiệu và số hiệu:
Ngày được phép nhập kho đầu tiên:
Mã văn bản pháp quy khác:

Số hóa đơn: A - 619025-3
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành: 05/11/2013
Phương thức thanh toán: TTR
Tổng trị giá hóa đơn: C - C&F - USD - 13.390,93
Tổng trị giá tính thuế: 293.568.993,76
Tổng hệ số phân bổ trị giá:
Mã kết quả kiểm tra nội dung:

Giấy phép nhập khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép

Mã phân loại khai trị giá:
Khai trị giá tổng hợp:
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển: E - USD - 704
Phí bảo hiểm: D - - -

STT	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ

Chi tiết khai trị giá:

STT	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng
1	N Thu? NK	1.100.883.727 VND	1
2	V Thu? GTGT	0 VND	0

Tổng tiền thuế phải nộp: 1.100.883.727 VND
Số tiền bảo lãnh:
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Mã xác định thời hạn nộp thuế: D **Người nộp thuế:** 1
Mã lý do đề nghị BP: **Phân loại nộp thuế:** A

Tổng số trang của tờ khai: 3 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 1

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm

Phần ghi chú: - tiN?p 7?u t? - n?p thu?
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: **Số quản lý người sử dụng:** 00002

Kết quả xử lý : Hang hàng bảo quản
Thông tin ghi nhận :

Công chức chọn nghiệp vụ tương ứng tiếp theo của tờ khai trong phần **Kết quả xử lý**:

- Chọn 'Mang hàng bảo quản': tờ khai được chuyển sang nghiệp vụ xác nhận hàng qua khu vực giám sát
- Chọn 'Đưa hàng về địa điểm kiểm tra': tờ khai được chuyển sang nghiệp vụ xác nhận hàng qua khu vực giám sát

Bước 3: Nhập thông tin ghi nhận và chọn **[S]Ghi lại** để xác nhận. Sau khi xác nhận tờ khai sẽ được chuyển sang nghiệp vụ xác nhận hàng qua khu vực giám sát.

I.12. Duyệt dừng thông quan

Chức năng này cho phép dừng thông quan đột xuất với tờ khai đã được cấp phép.

Bước 1: Công chức vào chức năng duyệt dừng thông quan

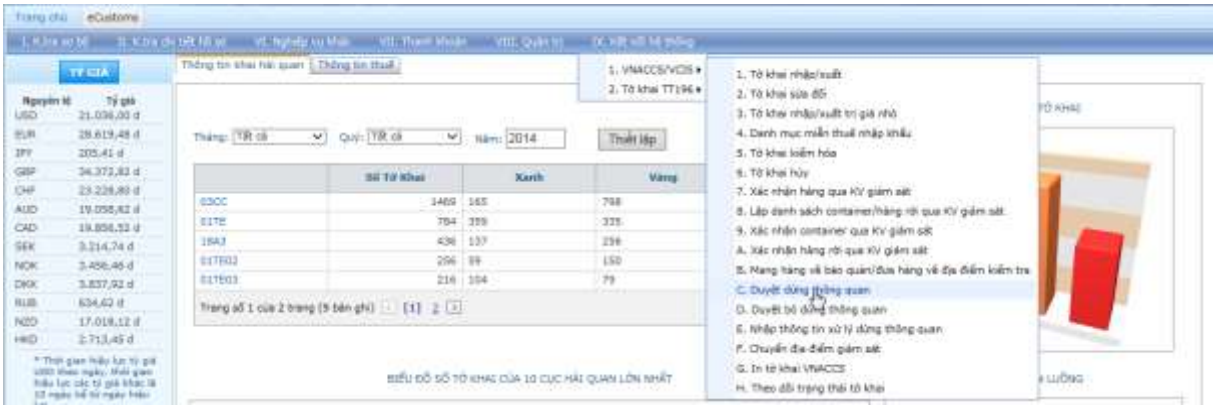

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

Bước 2: Thực hiện nhập thông tin tìm kiếm và chọn **Tìm kiếm** hệ thống hiển thị thông tin tờ khai

(N)Ghi lại | (P)Tìm kiếm

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan

Số tờ khai: 100022987040 **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 1 **Mã loại hình:** A11 2 [1] **Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai:** 1000
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 01
Ngày đăng ký: 10/10/2013 16:00:37 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người nhập khẩu
Mã: P002868600-000
Tên: MITAGAWA SANGYO & CO.,LTD.
Mã bưu chính: 1234567
Địa chỉ: 222-CLEARANCE,MT/CARGO,EDIFACT,XML T?n s?c thu? Thu? XK Thu? NK Thu? b? sung Thu? t? v? Ch?ng b?n g/
Số điện thoại: 123001
Người ủy thác nhập khẩu
Mã:
Tên:

Người xuất khẩu
Mã: A0000010NZ-000
Tên: A0000010NZ-NAME----------E
Mã bưu chính: 987654321
Địa chỉ: A0000010NZ-ADDRESS1----------E A0000010NZ-ADDRESS2----------E
A0000010NZ-ADDRESS3----------E A0000010NZ-ADDRESS4----------E
Mã nước: AD
Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý hải quan: TESTU C MINISTRY OF HEALTH----------01 **Mã nhân viên hải quan:**

Số vận đơn

STT	Số vận đơn
1	BL001
2	BL009

Số lượng: 12.345.678 PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 123 KGM
Số lượng container: 1

Địa điểm lưu kho: 02ABC01 NAME-02AB-C01------E
Địa điểm dỡ hàng: VNCRB CAM RANH
Địa điểm xếp hàng: JPTYO JPTYO----------E
Phương tiện vận chuyển: 9999 BIN-NAME----------E
Ngày hàng đến: 11/06/2013
Ký hiệu và số hiệu: KGOU----------E
Ngày được phép nhập kho đầu tiên:
Mã văn bản pháp quy khác:

Số hóa đơn: A
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành:
Phương thức thanh toán:
Tổng trị giá hóa đơn: A - CIF - USD - 123
Tổng trị giá tính thuế: 50
Tổng hệ số phân bổ trị giá:
Mã kết quả kiểm tra nội dung:

Giấy phép nhập khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép

Mã phân loại khai trị giá:
Khai trị giá tổng hợp:
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển:
Phí bảo hiểm:

STT	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ

Chi tiết khai trị giá:

STT	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng
1	N Thu? NK	173.482 VND	5
2	V Thu? GTGT	0 VND	0

Tổng tiền thuế phải nộp: 173.482 VND
Số tiền bảo lãnh:
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Mã xác định thời hạn nộp thuế: D **Người nộp thuế:** 1
Mã lý do đề nghị BP: **Phân loại nộp thuế:** A

Tổng số trang của tờ khai: 7 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 5

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm

Phần ghi chú:
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: **Số quản lý người sử dụng:** 05069

Dòng thông quan: ☐
Ghi nhận Hải quan:

Bước 3: Chọn dừng thông quan, nhập thông tin ghi nhận và chọn **[S]Ghi lại** để dừng thông quan. Sau khi duyệt dừng thông quan, công chức có thể thực hiện nhập thông tin xử lý dừng thông quan. Tờ khai bị dừng thông quan sẽ không được phép xác nhận hàng qua khu vực giám sát.

I.13. Duyệt bỏ dừng thông quan

Chức năng này cho phép duyệt bỏ dừng thông quan với tờ khai đã được duyệt dừng thông quan.

Bước 1: Công chức vào chức năng duyệt bỏ dừng thông quan

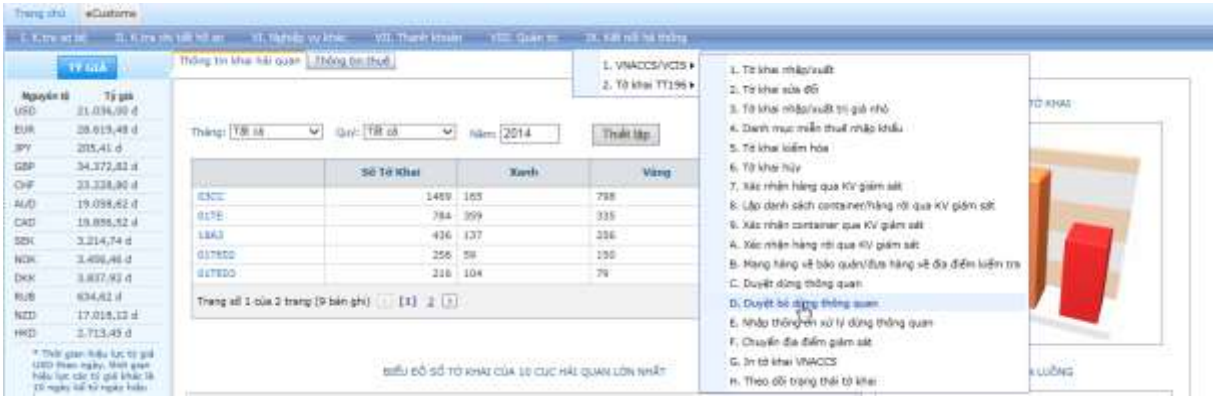

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách tờ khai đã được duyệt dừng thông quan

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị như ở dưới:

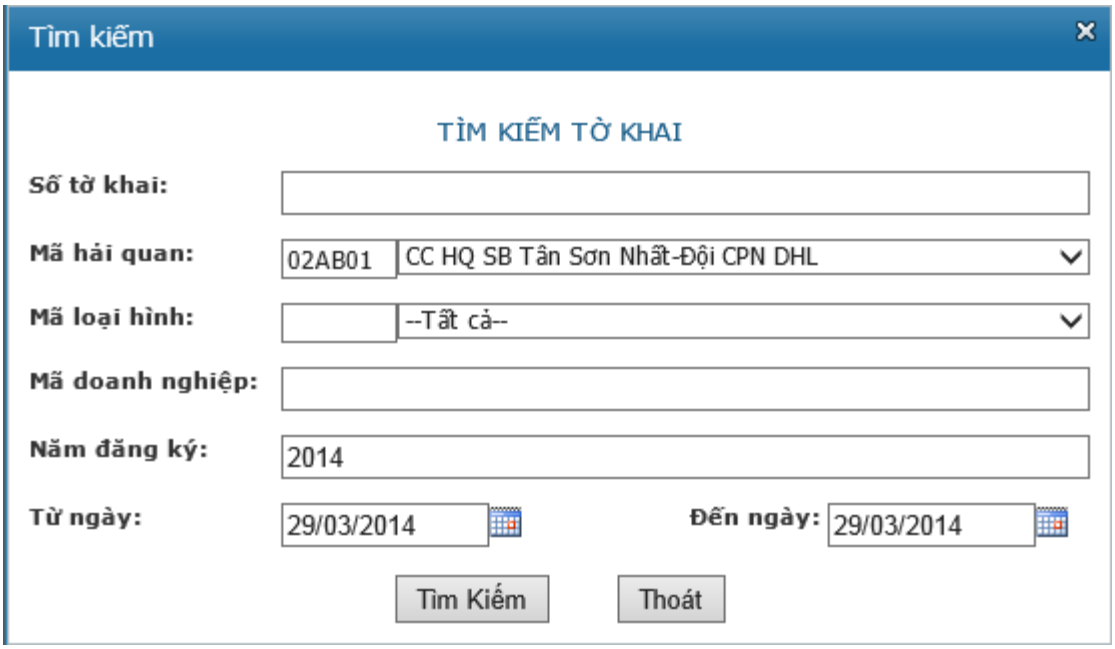

Bước 2: Chọn **Chi tiết** để xem thông tin chi tiết

[S]Ghi lại | [R]Quay lại

TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan

Số tờ khai: 300022147150 **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 1 **Mã loại hình:** B11 1 **Mã số thuế đại diện:** 1000
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 01
Ngày đăng ký: 10/10/2013 14:00:46 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người xuất khẩu
Mã: P002882600-000
Tên: MINATO BUSSAN CO.,LTD.
Mã bưu chính: 2334567
Địa chỉ: TOKYO
Số điện thoại: 123002
Người ủy thác xuất khẩu
Mã: P001000200-000
Tên: 1--------E2--------E3--------E4--------E5--------E6--------E7--------E8--------E9--------EA--------E

Người nhập khẩu
Mã:
Tên: 2
Mã bưu chính: 123
Địa chỉ: ADD1 ADD2
ADD3 ADD4
Mã nước: US

Đại lý hải quan: TC006 CLEARANCE LOGISTICS RELATED COMPANIES----------06 **Mã nhân viên hải quan:**

Số vận đơn BL005
Số lượng: 1 PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 1 KGM
Địa điểm lưu kho: 02ABC01 NAME-02AB-C01------E
Địa điểm nhận hàng cuối cùng: JPNRT DST-NAME
Địa điểm xếp hàng: HAN HANOI
Phương tiện vận chuyển dự kiến: JL0001/023AN
Ngày hàng đi dự kiến: 16/11/2013
Kỳ hiệu và số hiệu:

Giấy phép xuất khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép
1	FEN	123
2	AMMO	123

Số hóa đơn:
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành:
Phương thức thanh toán: BENMAU
Tổng trị giá hóa đơn: CIF - VND - 1 - A
Tổng trị giá tính thuế: VND - 20.828
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Tổng hệ số phân bổ trị giá tính thuế:

Phân loại không cần quy đổi VND: **Người nộp thuế:** 1 **Mã xác định thời hạn nộp thuế:** D **Phân loại nộp thuế:** A
Tổng số tiền thuế xuất khẩu: 0 VND **Tổng số tiền lệ phí:**
Số tiêu báo lãnh:

Tổng số trang của tờ khai: 3 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 1

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm
1	INV	123
2	INV	456
3	INV	789

Phần ghi chú:
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: **Số quản lý người sử dụng:** 00004
Vanning
Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng:
Mã: 1 01ABM01
Tên: VANNINGPLACENAME
Địa chỉ: VanningPlaceAddress
Số Container
1
CONTAINER003

Bỏ dòng thông quan ☐
Ghi nhận Hải quan:

<u>Bước 3</u>: Chọn bỏ dừng thông quan, nhập thông tin ghi nhận và chọn **[S]Ghi lại** để dừng thông quan. Sau khi duyệt bỏ dừng thông quan tờ khai sẽ được phép xác nhận hàng qua khu vực giám sát.

I.14. Nhập thông tin xử lý dừng thông quan

Chức năng này cho phép công chức nhập thông tin xử lý dừng thông quan.

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Nhập thông tin xử lý dừng thông quan

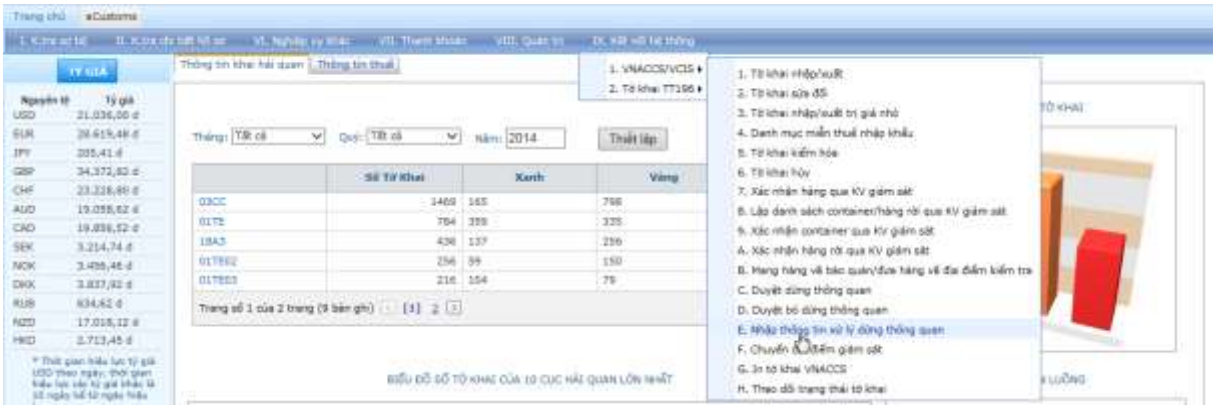

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách tờ khai đã được duyệt dừng thông quan

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị như ở dưới:

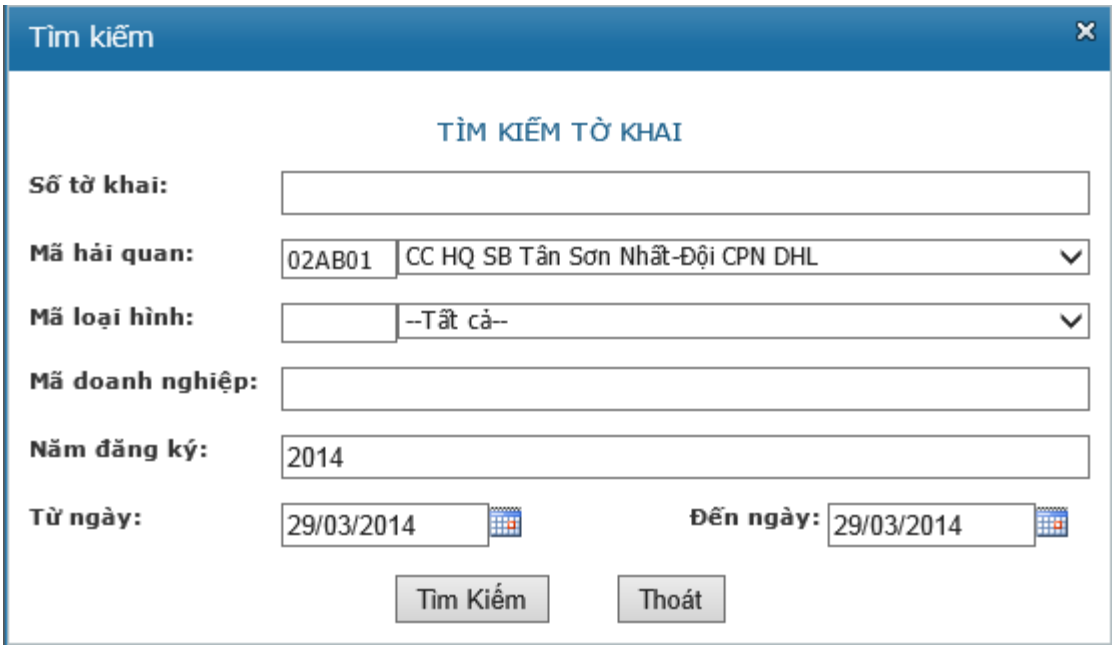

Bước 2: Chọn **Chi tiết** để xem thông tin chi tiết

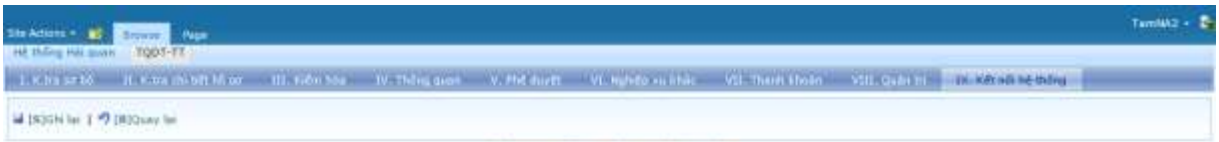

TỜ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan

Số tờ khai: 300022147150 **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 1 **Mã loại hình:** B11 1 **Mã số thuế đại diện:** 1000
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 01
Ngày đăng ký: 10/10/2013 14:00:46 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người xuất khẩu
Mã: P002882600-000
Tên: MINATO BUSSAN CO.,LTD.
Mã bưu chính: 2234567
Địa chỉ: TOKYO
Số điện thoại: 123002
Người ủy thác xuất khẩu
Mã: P001000200-000
Tên: 1--------E2--------E3--------E4--------E5--------E6--------E7--------E8--------E9--------EA--------E

Người nhập khẩu
Mã:
Tên: 2
Mã bưu chính: 123
Địa chỉ: ADD1 ADD2
ADD3 ADD4
Mã nước: US

Đại lý hải quan: TC006 CLEARANCE LOGISTICS RELATED COMPANIES----------06 **Mã nhân viên hải quan:**

Số vận đơn: BL005
Số lượng: 1 PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 1 KGM
Địa điểm lưu kho: 02ABC01 NAME-02AB-C01-------E
Địa điểm nhận hàng cuối cùng: JPNRT DST-NAME
Địa điểm xếp hàng: HAN HANOI
Phương tiện vận chuyển dự kiến: JL0001/03JAN
Ngày hàng đi dự kiến: 16/12/2013
Kỷ hiệu và số hiệu:

Giấy phép xuất khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép
1	PENI	123
2	AMNO	123

Số hóa đơn:
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành:
Phương thức thanh toán: BENMAU
Tổng trị giá hóa đơn: CIF - VND - 1 - A
Tổng trị giá tính thuế: VND - 20.828
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Tổng hệ số phân bổ trị giá tính thuế:

Phân loại không cần quy đổi VND: **Người nộp thuế:** 1 **Mã xác định thời hạn nộp thuế:** D **Phân loại nộp thuế:** A
Tổng số tiền thuế xuất khẩu: 0 VND **Tổng số tiền lệ phí:**
Số tiền bảo lãnh:

Tổng số trang của tờ khai: 3 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 1

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm
1	INV	123
2	INV	456
3	INV	789

Phần ghi chú:
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: **Số quản lý người sử dụng:** 00004
Vanning
Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng:
Mã: 1 01ABM01
Tên: VANNINGPLACENAME
Địa chỉ: VanningPlaceAddress
Số Container
1
CONTAINER003

Ghi nhận thông quan:

Bước 3: Nhập thông tin ghi nhận và chọn **[S]Ghi lại** để cập nhật thông tin xử lý.

I.15. Chuyển địa điểm giám sát

Chức năng này cho phép công chức thay đổi địa điểm giám sát.

Bước 1: Công chức vào chức năng chuyển địa điểm giám sát

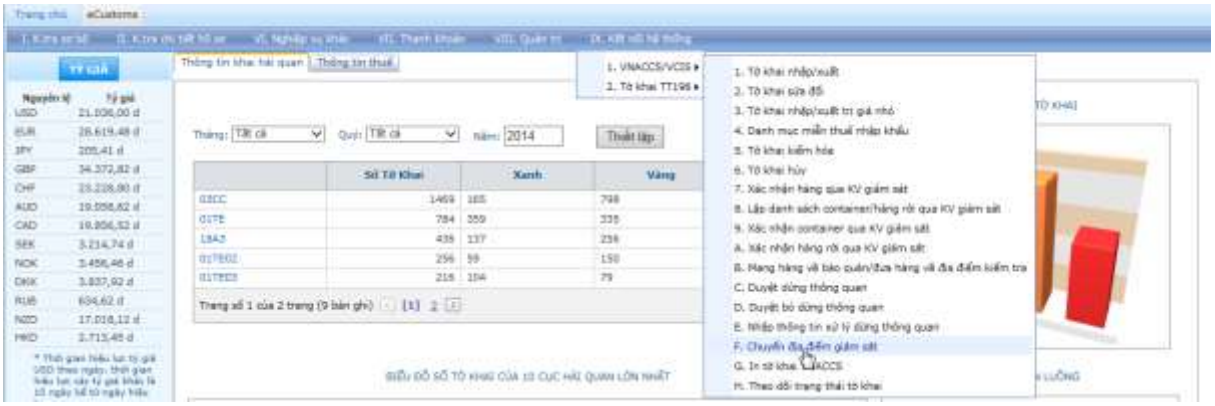

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

Bước 2: Thực hiện nhập thông tin tìm kiếm và chọn **Tìm kiếm** hệ thống hiển thị thông tin tờ khai và thông tin địa điểm giám sát trên tờ khai

Bước 3: Thay đổi thông tin địa điểm giám sát, nhập thông tin ghi nhận và chọn **[S]Ghi lại** để thay đổi địa điểm giám sát.

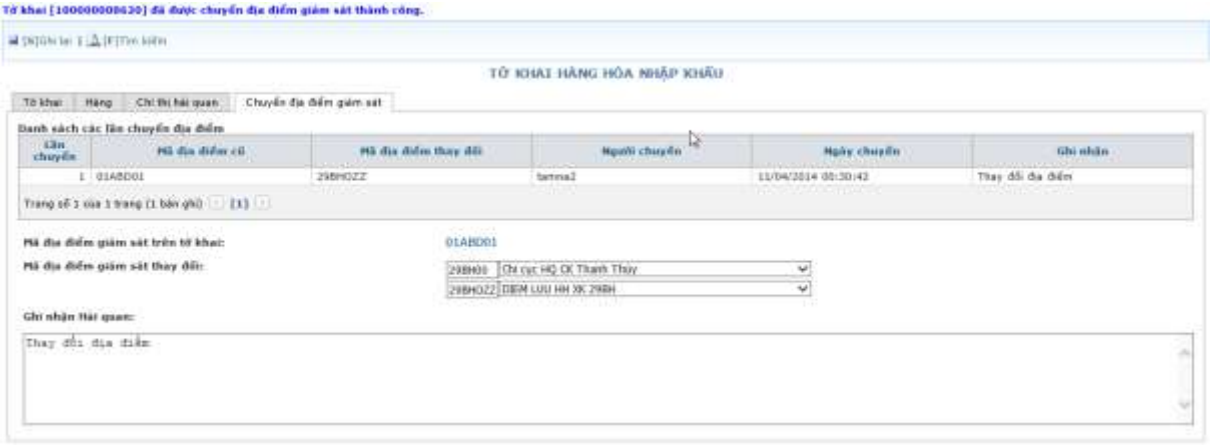

I.16. In tờ khai VNACCS

Chức năng này cho phép công chức in tờ khai VNACCS.

Bước 1: Công chức vào chức năng in tờ khai VNACCS

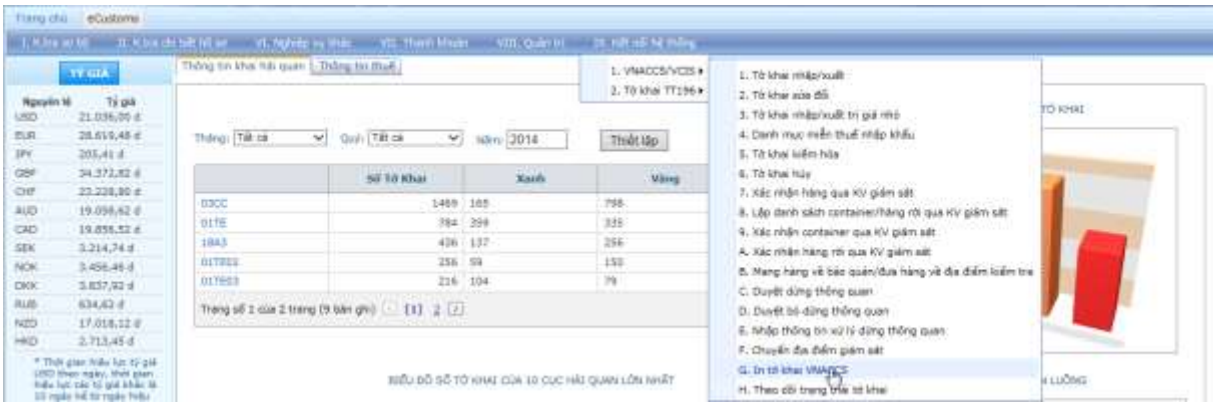

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

Bước 2: Thực hiện nhập thông tin tìm kiếm và chọn **Tìm kiếm** hệ thống hiển thị thông tin in của tờ khai

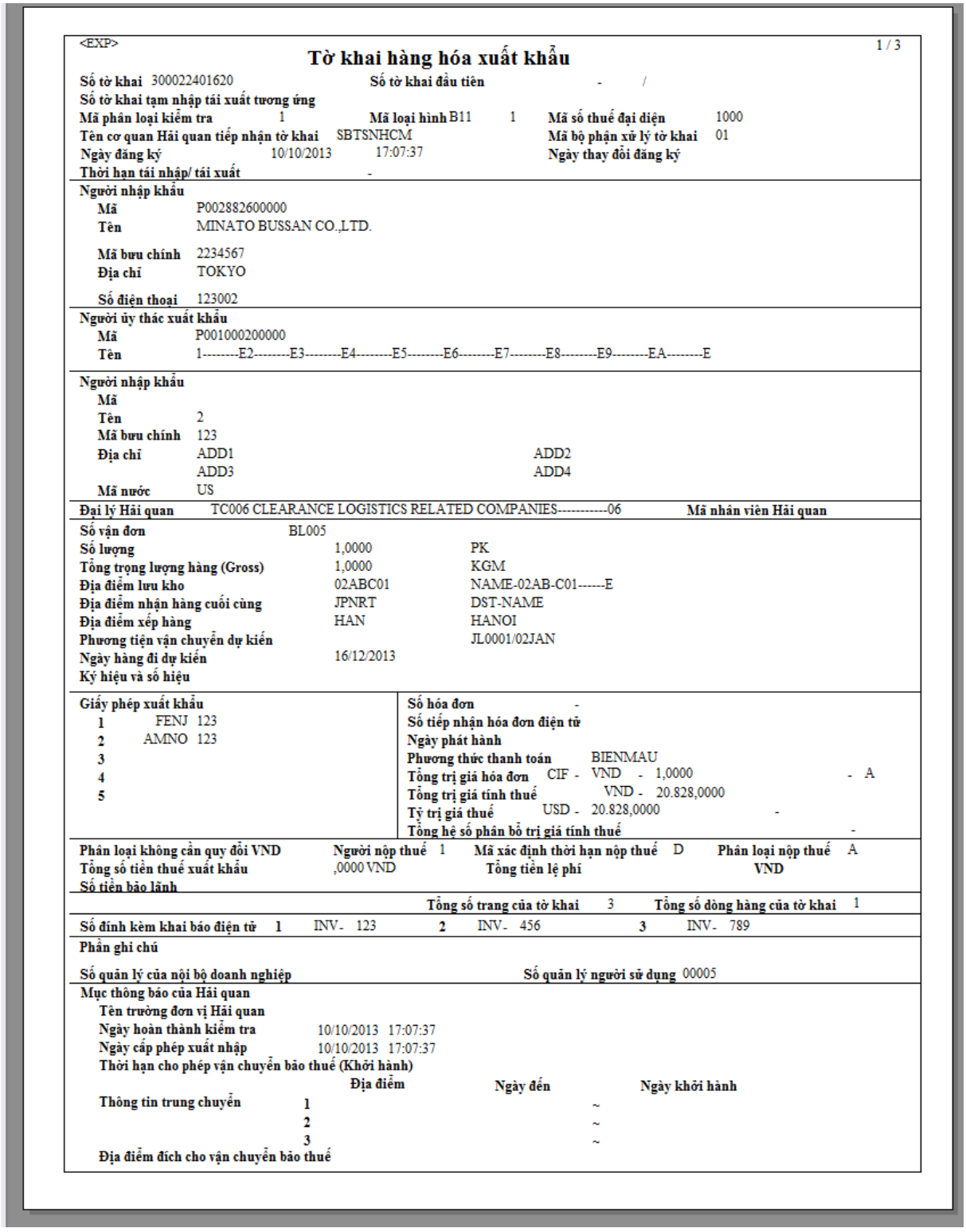

<EXP> 1 / 3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu

Số tờ khai 300022401620 **Số tờ khai đầu tiên** - /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 1 **Mã loại hình** B11 1 **Mã số thuế đại diện** 1000
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai** 01
Ngày đăng ký 10/10/2013 17:07:37 **Ngày thay đổi đăng ký**
Thời hạn tái nhập/ tái xuất -

Người nhập khẩu
Mã P002882600000
Tên MINATO BUSSAN CO.,LTD.
Mã bưu chính 2234567
Địa chỉ TOKYO
Số điện thoại 123002

Người ủy thác xuất khẩu
Mã P001000200000
Tên 1--------E2--------E3--------E4--------E5--------E6--------E7--------E8--------E9--------EA--------E

Người nhập khẩu
Mã
Tên 2
Mã bưu chính 123
Địa chỉ ADD1 ADD2
ADD3 ADD4
Mã nước US

Đại lý Hải quan TC006 CLEARANCE LOGISTICS RELATED COMPANIES----------06 **Mã nhân viên Hải quan**

Số vận đơn BL005
Số lượng 1,0000 PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross) 1,0000 KGM
Địa điểm lưu kho 02ABC01 NAME-02AB-C01------E
Địa điểm nhận hàng cuối cùng JPNRT DST-NAME
Địa điểm xếp hàng HAN HANOI
Phương tiện vận chuyển dự kiến JL0001/02JAN
Ngày hàng đi dự kiến 16/12/2013
Ký hiệu và số hiệu

Giấy phép xuất khẩu
1 FENJ 123
2 AMNO 123
3
4
5

Số hóa đơn -
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
Ngày phát hành
Phương thức thanh toán BIENMAU
Tổng trị giá hóa đơn CIF - VND - 1,0000 - A
Tổng trị giá tính thuế VND - 20.828,0000
Tỷ trị giá thuế USD - 20.828,0000 -
Tổng hệ số phân bổ trị giá tính thuế -

Phân loại không cần quy đổi VND **Người nộp thuế** 1 **Mã xác định thời hạn nộp thuế** D **Phân loại nộp thuế** A
Tổng số tiền thuế xuất khẩu ,0000 VND **Tổng tiền lệ phí** **VND**
Số tiền bảo lãnh

Tổng số trang của tờ khai 3 **Tổng số dòng hàng của tờ khai** 1

Số đính kèm khai báo điện tử 1 INV- 123 2 INV- 456 3 INV- 789

Phần ghi chú

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp **Số quản lý người sử dụng** 00005

Mục thông báo của Hải quan
Tên trưởng đơn vị Hải quan
Ngày hoàn thành kiểm tra 10/10/2013 17:07:37
Ngày cấp phép xuất nhập 10/10/2013 17:07:37
Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (Khởi hành)

		Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1		~	
	2		~	
	3		~	

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế

I.17. Theo dõi trạng thái tờ khai

Chức năng này cho phép công chức theo dõi trạng thái tờ khai.

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Theo dõi trạng thái tờ khai

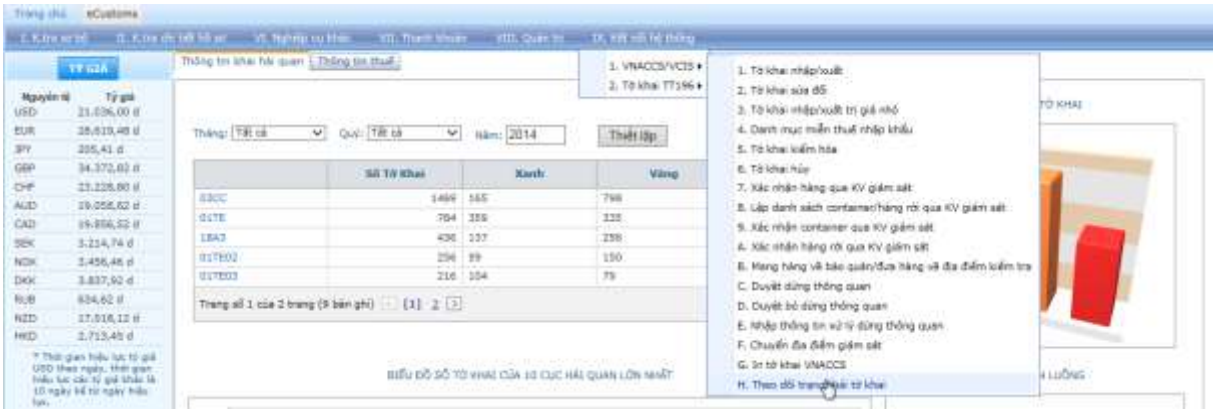

Hệ thống hiển thị màn hình danh sách tờ khai

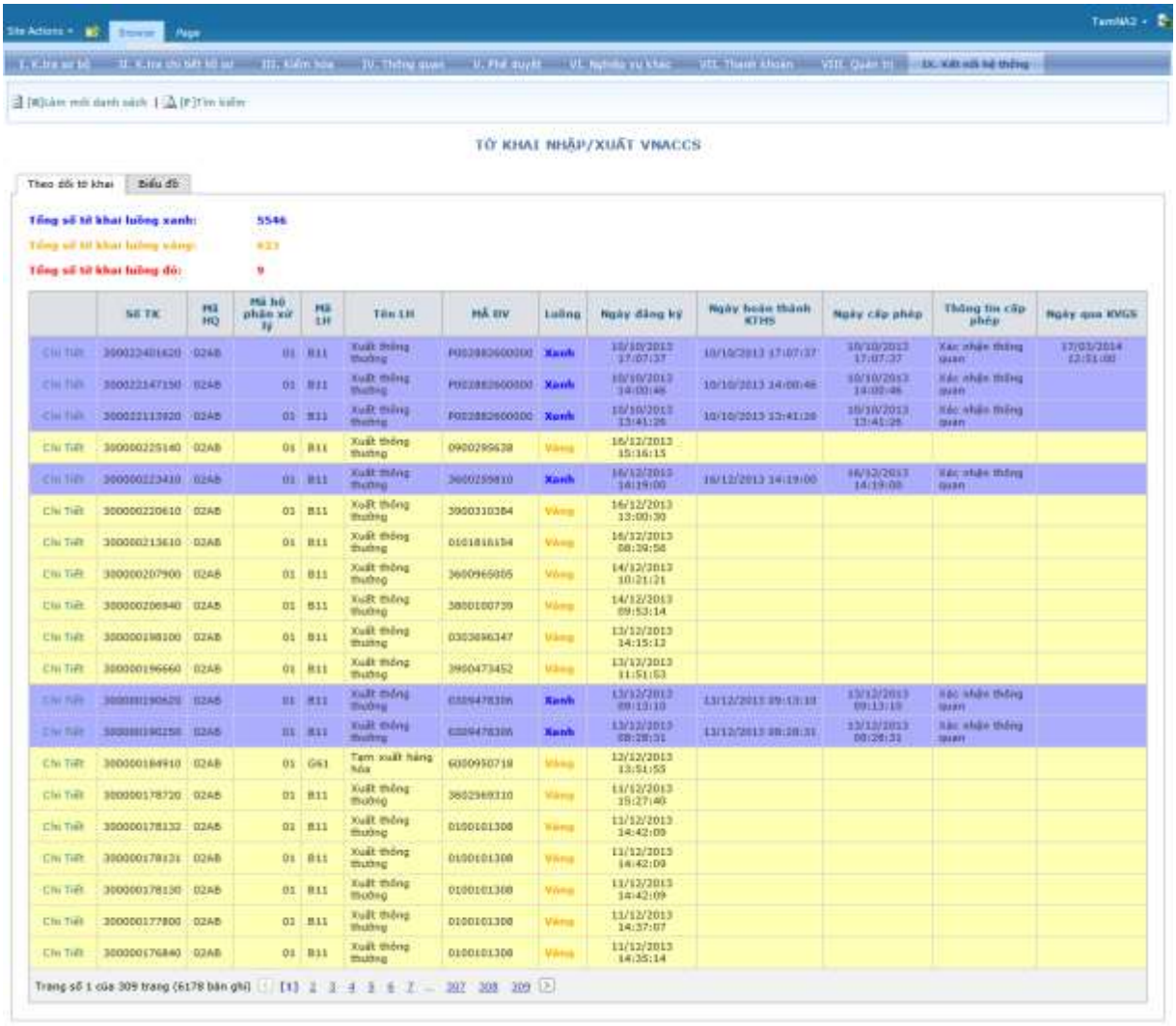

Biểu đồ tỷ lệ phân luồng tờ khai

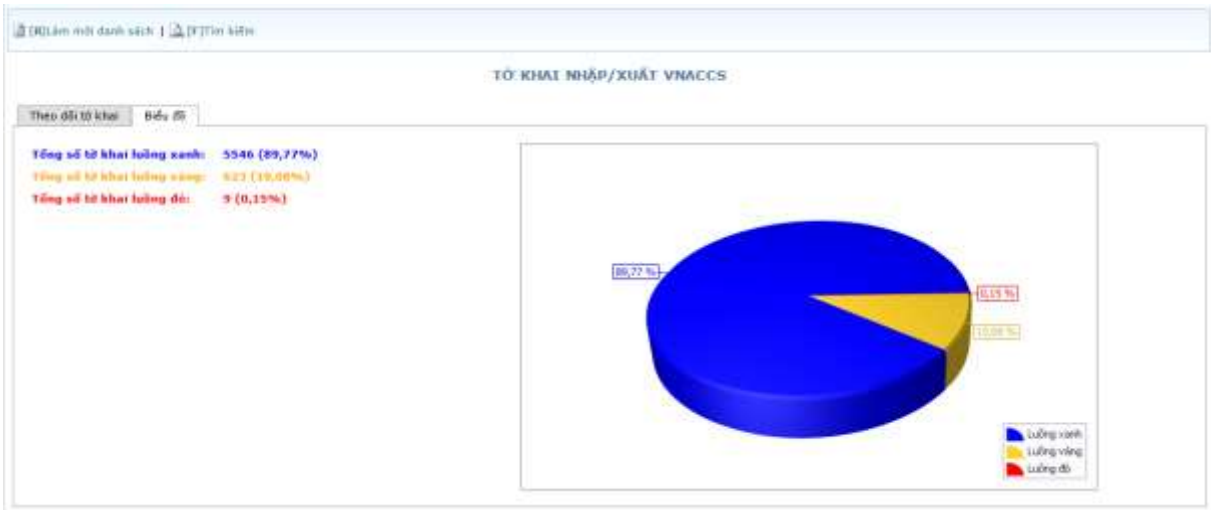

Trong trường hợp công chức muốn tìm kiếm thông tin, tại màn hình danh sách chọn **[F]Tìm kiếm,** màn hình Tìm kiếm hiển thị như ở dưới:

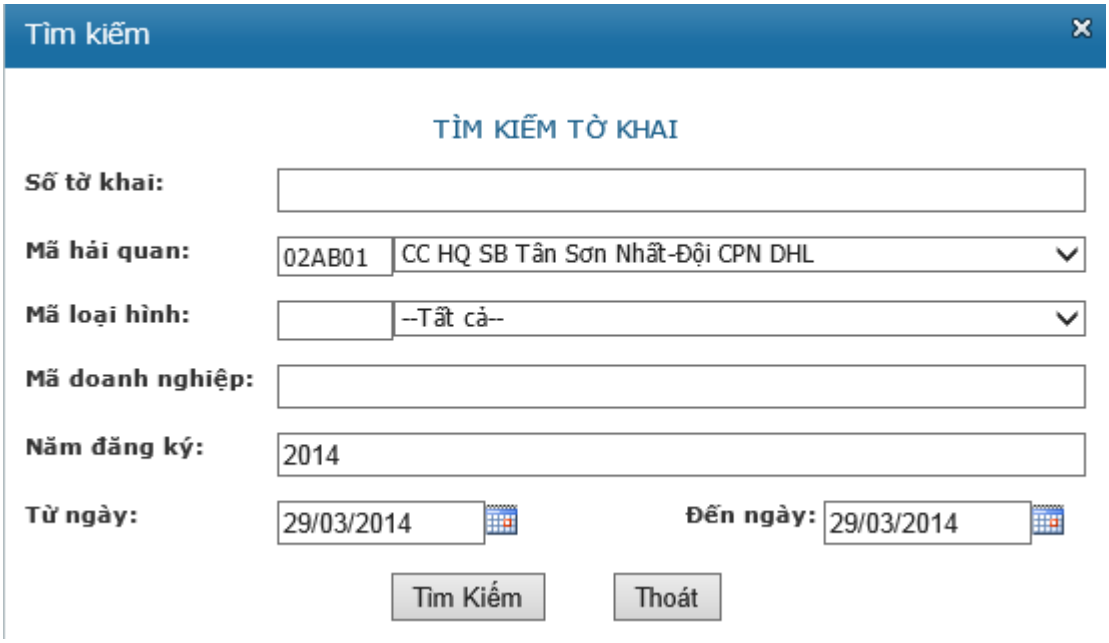

Bước 2: Chọn **Chi tiết** để xem thông tin chi tiết

Site Actions | Browse | Page | TienNAZ

[B]Quay lại

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Tờ khai | Hàng | Chỉ thị hải quan | Ghi nhận

Số tờ khai: 100000007920 **Số tờ khai đầu tiên:**
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng:
Mã phân loại kiểm tra: 2 **Mã loại hình:** A11 A 2 [1] **Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai:** 0101
Tên cơ quan hải quan tiếp nhận tờ khai: SBTSNHCM **Mã bộ phận xử lý tờ khai:** 01
Ngày đăng ký: 16/11/2013 11:46:22 **Ngày thay đổi đăng ký:** **Thời hạn tái nhập/ tái xuất:**

Người nhập khẩu
Mã: 0201284471
Tên: C?ng ty tr?ch nh?m h?u h?n may qu?c t? MICHELLE VI?t Nam
Mã bưu chính: (+84)43
Địa chỉ: B1, TU?I TR?, HO?NG QU?C VI?T, C?U GI?Y, H? N?I
Số điện thoại: 0437545666
Người ủy thác nhập khẩu
Mã:
Tên:

Người xuất khẩu
Mã:
Tên: SAMSUNG ELECTRIC CO.,LTD.
Mã bưu chính: 123456789
Địa chỉ: 971-973 PLOENCHIT ROAD LUMPINE
BANGKOK THAILAND
Mã nước: TH
Người ủy thác xuất khẩu

Đại lý hải quan: BB694 **Mã nhân viên hải quan:**

Số vận đơn

STT	Số vận đơn
1	B/L0641

Số lượng: 2 PA
Tổng trọng lượng hàng (Gross): 3 KGM
Số lượng container: 2

Địa điểm lưu kho: 01ABD01 DV H.KHONG S.BAY NB
Địa điểm dỡ hàng: VNIING CANG BEN NGHE (HCM)
Địa điểm xếp hàng: BRSNZ SANTA CRUZ
Phương tiện vận chuyển: AAA AAA
Ngày hàng đến: 25/11/2013
Ký hiệu và số hiệu: A1509
Ngày được phép nhập kho đầu tiên:
Mã văn bản pháp quy khác:

Số hóa đơn: A - 80001322134
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:
Ngày phát hành: 05/10/2013
Phương thức thanh toán: TTR
Tổng trị giá hóa đơn: A - CIF - USD - 25.000
Tổng trị giá tính thuế: 520.700.000
Tổng hệ số phân bổ trị giá: 12.240 - M
Mã kết quả kiểm tra nội dung: A

Giấy phép nhập khẩu

STT	Phân loại	Số giấy phép

Mã phân loại khai trị giá:
Khai trị giá tổng hợp:
Các khoản điều chỉnh
Phí vận chuyển:
Phí bảo hiểm: -

STT	Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ

Chi tiết khai trị giá:

STT	Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng
1	N Thu? NK	0 VND	0
2	V Thu? GTGT	26.035.000 VND	3

Tổng tiền thuế phải nộp: 26.035.000 VND
Số tiền bảo lãnh:
Tỷ giá tính thuế: USD - 20.828
Mã xác định thời hạn nộp thuế: D **Người nộp thuế:** 1
Mã lý do đề nghị BP: **Phân loại nộp thuế:** A

Tổng số trang của tờ khai: 5 **Tổng số dòng hàng của tờ khai:** 3

Số đính kèm khai báo điện tử:

STT	Phân loại	Số đính kèm

Phần ghi chú: H?ng h?a nh?p kinh doanh
Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp: 000009092013 **Số quản lý người sử dụng:** 00002

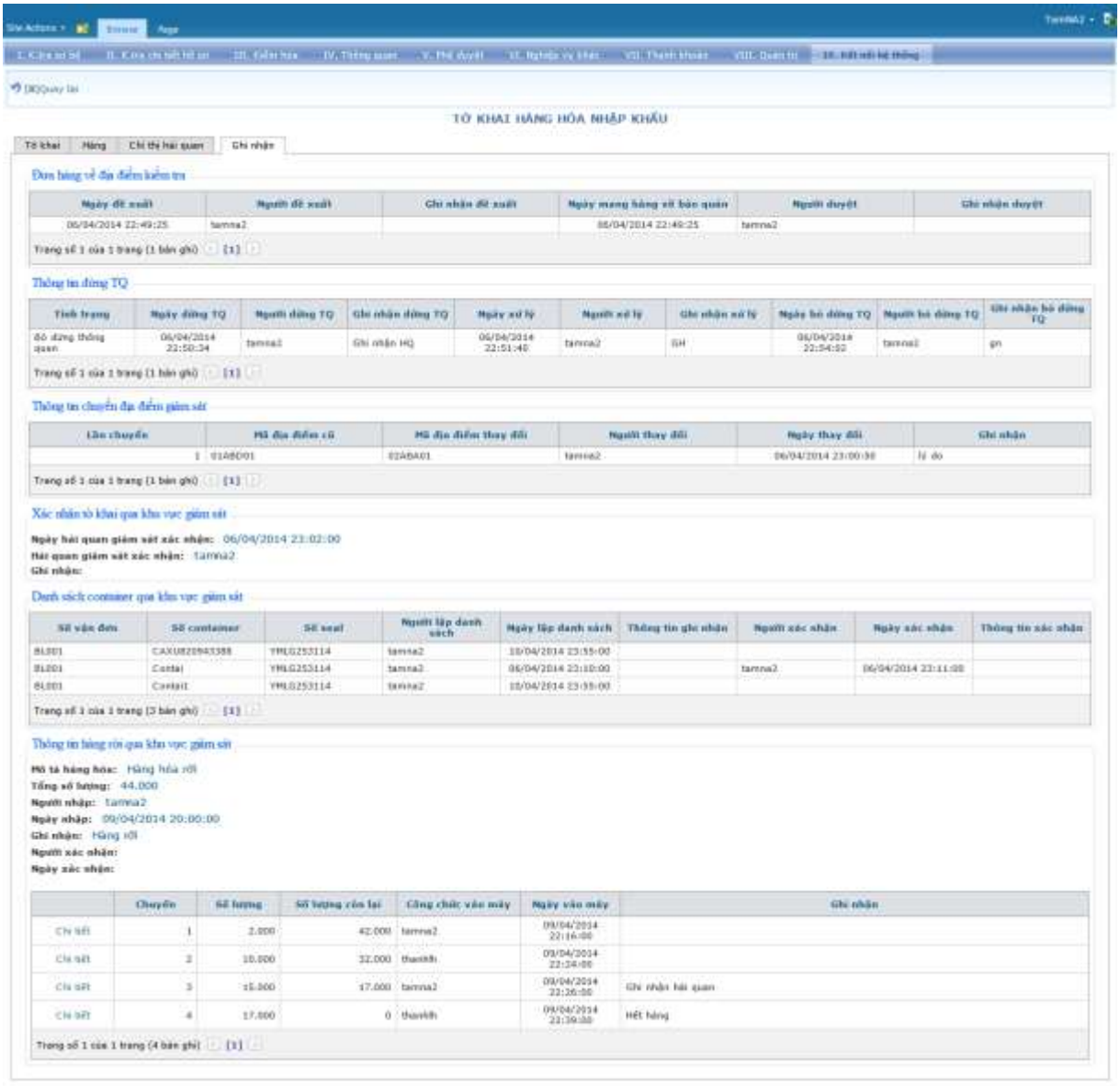

B. HƯỚNG DẪN HỖ TRỢ XỬ LÝ NGHIỆP VỤ GIÁM SÁT TỜ KHAI TT196

I.18. Xác nhận hàng qua khu vực giám sát theo thông tư 196

Chức năng này cho phép xác nhận hàng của tờ khai thông tư 196 qua khu vực giám sát.

<u>Bước 1</u>: Công chức vào chức năng Xác nhận hàng qua khu vực giám sát theo thông tư 196

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

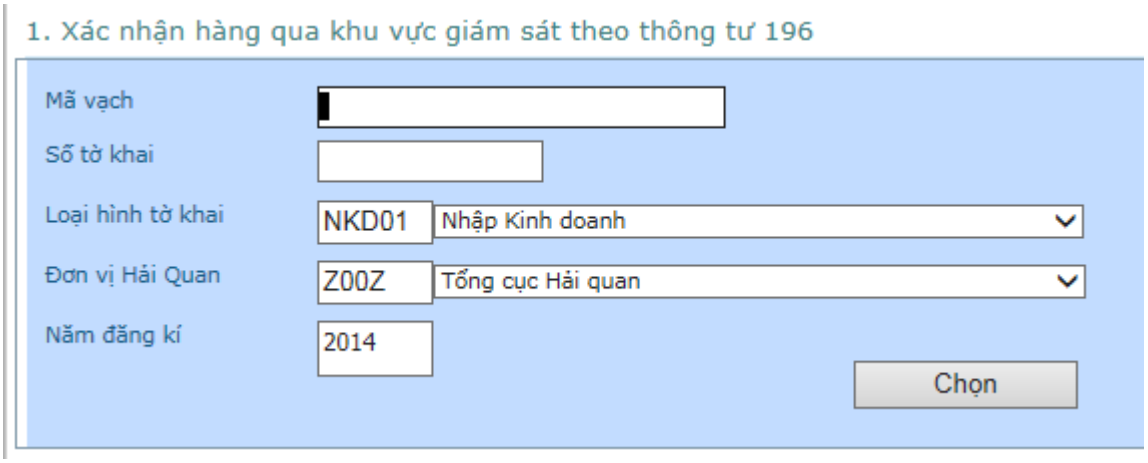

Các bước thực hiện tương tự như thao tác trên hệ thống cũ

I.19. Tra cứu danh sách tờ khai giám sát chuyển cửa khẩu theo thông tư 196

Chức năng này cho phép tra cứu danh sách tờ khai giám sát chuyển cửa cửa khẩu theo thông tư 196.

Bước 1: Công chức vào chức năng tra cứu danh sách tờ khai giám sát chuyển cửa khẩu theo thông tư 196

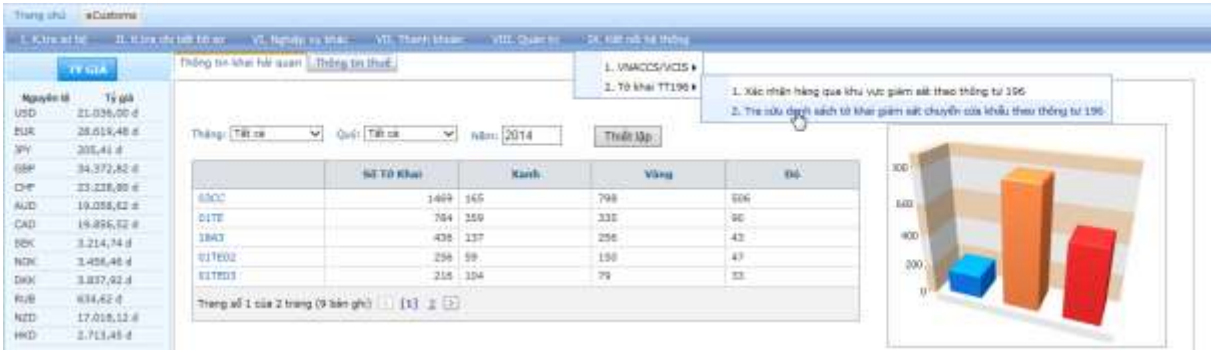

Hệ thống hiển thị màn hình tìm kiếm

Các bước thực hiện tương tự như thao tác trên hệ thống cũ